



# PVOIL

Đường xa thêm gần



**TIẾP NỐI NỀN TẢNG  
VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

# NỘI DUNG

## THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

# 04 - 49



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2018	04
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Thông tin chung về PVOIL	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	18
Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
Các sự kiện nổi bật năm 2018	24
Định hướng phát triển giai đoạn 2019 - 2020	30
Phân tích SWOT	32
Các rủi ro	34
Mô hình quản trị	36
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	37
Giới thiệu Ban Điều hành	43
Giới thiệu Ban Kiểm soát	48

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM

# 52 - 73



Bối cảnh chung	52
Kết quả sản xuất kinh doanh	54
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	57
Tình hình tài chính	58
Báo cáo của Ban Điều hành	60
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	68
Báo cáo của Ban Kiểm soát	70
Báo cáo về nhân sự	72

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# 76 - 91



Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững	76
Tổng quan Báo cáo phát triển bền vững	77
Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan	78
Báo cáo về công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường	80
Báo cáo tình hình sử dụng năng lượng và nước	86
Tuân thủ về môi trường	87
Báo cáo các vấn đề về xã hội	88

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# 94 - 155



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	95
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	97
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	100
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	104
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	105
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	107

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2018



Ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô

**11,6**  
triệu tấn



Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

**548.000**  
m<sup>3</sup>/tấn



Kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn

**3,1**  
triệu tấn



Tổng doanh thu

**61.585**  
tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế

**589**  
tỷ đồng



EBITDA

**1.094**  
tỷ đồng





**Năm 2018 là dấu mốc quan trọng trong bước đường phát triển của Tổng công ty, PVOIL đã thực hiện thành công chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) với tỷ lệ chào bán thành công gần 20% vốn điều lệ, chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/8/2018.**

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính thưa quý vị cổ đông,

Năm 2018 đã đánh dấu bước chuyển mới của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) - chuyển hoạt động từ mô hình công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần.

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, trên cơ sở kế thừa và phát huy thế mạnh từ các đơn vị tiền thân, cùng sự hỗ trợ đặc biệt của công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVOIL đã lớn mạnh mọi mặt, vững chắc trên hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sản lượng xăng dầu cung ứng ra thị trường với tốc độ tăng trưởng gần 5%/năm, từ 2,2 triệu m<sup>3</sup>/tấn vào năm 2008 lên 3,2 triệu m<sup>3</sup>/tấn trong năm 2018. PVOIL vững vàng ở vị trí thứ 2 trên thị trường, chiếm trên 20% thị phần kinh doanh xăng dầu trong nước.

Là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam thực hiện xuất nhập khẩu dầu thô, PVOIL đã thực hiện xuất khẩu, bán an toàn và hiệu quả hơn 360 triệu tấn dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ dầu khai thác trong và ngoài nước kể từ năm 1996. Đồng thời, đảm bảo cung cấp toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất (BSR) theo yêu cầu từ các nguồn dầu thô Việt Nam và dầu thô nước ngoài.

PVOIL đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất vững chắc, với gần 1.000.000 m<sup>3</sup> kho và hệ thống hơn 550 cửa hàng. Tổng công ty cũng đã phát triển và duy trì từ nhiều năm qua hệ thống cửa hàng đại lý phân phối xăng dầu mang thương hiệu PVOIL với trên 3.500 cửa hàng bán lẻ và lượng khách hàng công nghiệp truyền thống ngành dầu khí, than, điện...

Những thành tựu đạt được trong hơn 10 năm qua là nền tảng và tiền đề để PVOIL hướng đến phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả về lâu dài.

Năm 2018 là dấu mốc quan trọng trong bước đường phát triển của Tổng công ty, PVOIL đã thực hiện thành công chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) với tỷ lệ chào bán thành công gần 20% vốn điều lệ, chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/8/2018. Mặc dù, chưa hoàn tất việc lựa chọn đối tác chiến lược như kỳ vọng nhưng Ban lãnh đạo Tổng công ty tin tưởng rằng thương hiệu PVOIL cùng với nền tảng vững vàng về cơ sở vật chất và hệ thống phân phối tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước.

Năm qua, thị trường kinh doanh xăng dầu tiếp tục diễn biến khó lường và cạnh tranh vô cùng khốc liệt. PVOIL đã nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu và có mức tăng trưởng đáng kể so với năm 2017. Tổng công ty cũng đã tạo dấu ấn với việc ứng dụng thành công công nghệ 4.0 trong quản lý bán hàng là những giải pháp giúp gia tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của PVOIL.

Bước qua năm 2019, trong bối cảnh dự báo thị trường tiếp tục khó khăn, bất ổn và công tác tái cấu trúc doanh nghiệp chưa thể thực hiện triệt để khi Tổng công ty chưa thực sự tư nhân hóa, bên cạnh việc giữ ổn định và hiệu quả các hoạt động kinh doanh truyền thống về dầu thô và phân phối xăng dầu, nhiệm vụ trọng tâm của năm kế hoạch sẽ là:

- Đẩy mạnh công tác thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xuống dưới chi phối; tiếp tục các đề án tái cấu trúc về vốn và tài sản, sắp xếp lại Tổng công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm thay đổi về chất tạo tiền đề cho phát triển dài hạn như: gia tăng sản lượng và tỷ trọng bán lẻ; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ xăng dầu và phi xăng dầu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống...

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tự tin rằng, với bản lĩnh, kinh nghiệm và truyền thống phát triển của PVOIL, tập thể lãnh đạo và CBCNV PVOIL sẽ phát huy thế mạnh, khai thác hiệu quả các nguồn lực, thực hiện thành công các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, xây dựng PVOIL lớn mạnh, phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững lâu dài.

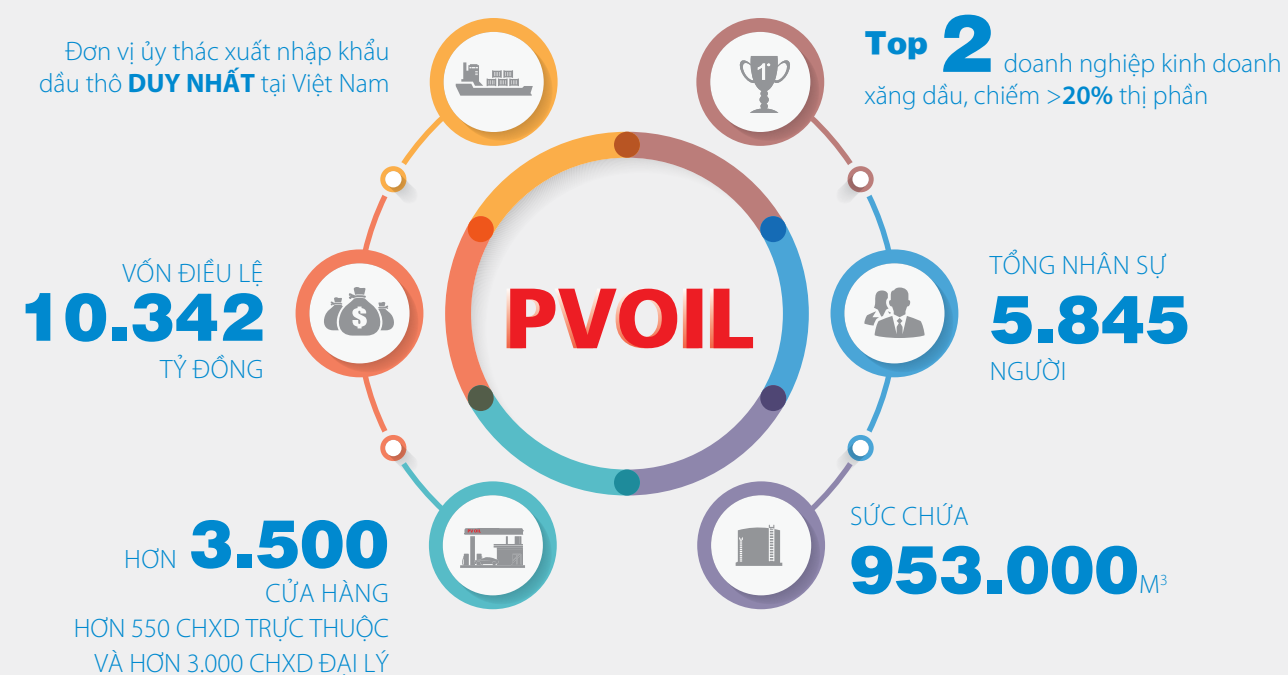
### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**NGUYỄN HOÀNG TUẤN**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL



Tên giao dịch	: <b>TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP</b>
Tên viết tắt	: <b>PVOIL</b>
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0305795054
Vốn điều lệ	: <b>10.342.295.000.000</b> đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: <b>10.342.295.000.000</b> đồng
Địa chỉ	: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	: (84-28)3910 6990
Số fax	: (84-28) 3910 6980
Website	: <b>www.pvoil.com.vn</b>
Mã cổ phiếu	: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 7/3/2018



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu mỏ (PDC).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong hơn 10 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

**Ngày 01/08/2018, PVOIL chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.**



Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL được thành lập vào ngày 08/04/1994 với lĩnh vực kinh doanh chính là xuất nhập khẩu dầu thô và vật tư thiết bị ngành dầu khí.

Công ty Chế biến Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) - tiền thân của PVOIL: được thành lập năm 1996 chuyên về sản xuất và phân phối sản phẩm dầu, dầu mỡ nhờn.



PVOIL được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim), Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC) với mục tiêu trở thành đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành dầu khí.

**QUY MÔ CÔNG TY**

**35 đơn vị trực thuộc**

**04 công ty con**

**10 công ty liên doanh, liên kết**

# PVOIL



PVOIL đẩy mạnh M&A và tái cấu trúc

**QUY MÔ CÔNG TY**

**13 đơn vị trực thuộc**

**31 công ty con**

**12 công ty liên doanh, liên kết**

Công ty mẹ - Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần

**QUY MÔ CÔNG TY**

**10 đơn vị trực thuộc**

**29 công ty con**

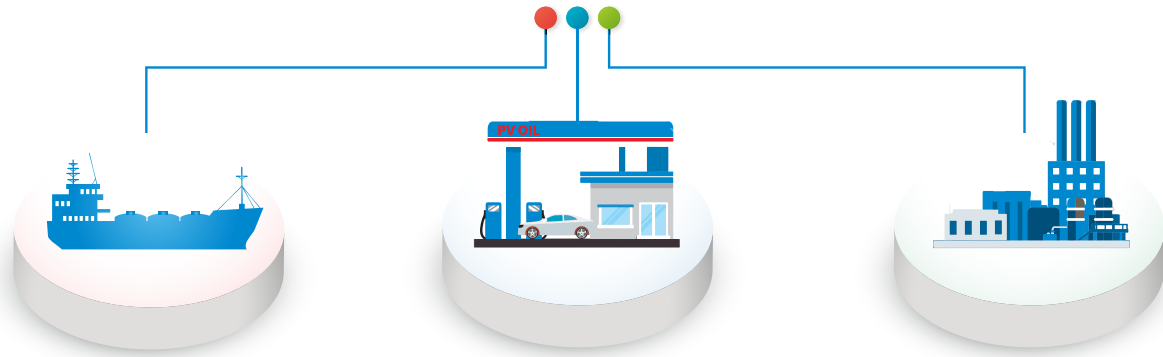
**11 công ty liên doanh, liên kết**

# NỀN TẢNG VỮNG VÀNG



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



ỦY THÁC XUẤT NHẬP KHẨU DẦU THÔ VÀ KINH DOANH DẦU QUỐC TẾ

KINH DOANH PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM DẦU

SẢN XUẤT CHẾ BIẾN XĂNG DẦU, DẦU MỠ NHỜN (DMN) VÀ NHIÊN LIỆU SINH HỌC (NLSH)

### Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài với sản lượng bình quân 15 triệu tấn/năm. Với bề dày 33 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 360 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu.

Với thế mạnh và bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu thô, năm 2011, PVOIL đã thành lập công ty con 100% vốn tại Singapore - PVOIL Singapore để hiện thực khát vọng xây dựng thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực kinh doanh dầu thô quốc tế. Kể từ khi thành lập đến nay, PVOIL Singapore đã kinh doanh thành công gần 8 triệu tấn dầu thô trên thị trường quốc tế.



### Kinh doanh sản phẩm dầu

Trong 4 năm trở lại đây, với sự nới lỏng các quy định của Nhà nước, thị trường xăng dầu đã có sự gia tăng vượt bậc về số lượng các doanh nghiệp đầu tư nhân, tuy nhiên 90% thị phần vẫn thuộc về 5 doanh nghiệp đầu mối lớn gồm Petrolimex, PVOIL, Thanh Lễ, Saigon Petro và Xăng dầu quân đội. PVOIL khẳng định vị trí thứ 2, chiếm trên 20% thị phần.

Trong suốt hơn 10 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối kinh doanh xăng dầu rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

### Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

**Sản xuất xăng dầu:** PVOIL sản xuất, pha chế xăng dầu với sản lượng 600.000 m<sup>3</sup> từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Thông

qua hoạt động pha chế xăng dầu, PVOIL đã góp phần gia tăng giá trị thương phẩm Condensate trong nước và chủ động hơn về nguồn cung ứng. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

**Sản xuất NLSH:** Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phát triển nguồn NLSH, PVOIL đã góp vốn đầu tư xây dựng 3 nhà máy sản xuất NLSH (ethanol - E100) tại Bình Phước, Quảng Ngãi và Phú Thọ, với công suất mỗi nhà máy 100.000 m<sup>3</sup> E100/năm. Hai nhà máy NLSH Bình Phước và NLSH Quảng Ngãi hiện đã sẵn sàng sản xuất khi thị trường thuận lợi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền. Riêng nhà máy NLSH Phú Thọ chưa hoàn tất xây dựng và đã tạm dừng do gặp khó khăn trong huy động vốn. PVOIL đang có kế hoạch thoái vốn tại cả 3 đơn vị này.

PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m<sup>3</sup> E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường trên 500.000 m<sup>3</sup> xăng E5 thương phẩm/năm.

**Sản xuất dầu mỡ nhờn:** PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu trên 27 năm kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (TP.HCM) với công suất 20.000 tấn/năm.





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TIẾP THEO)

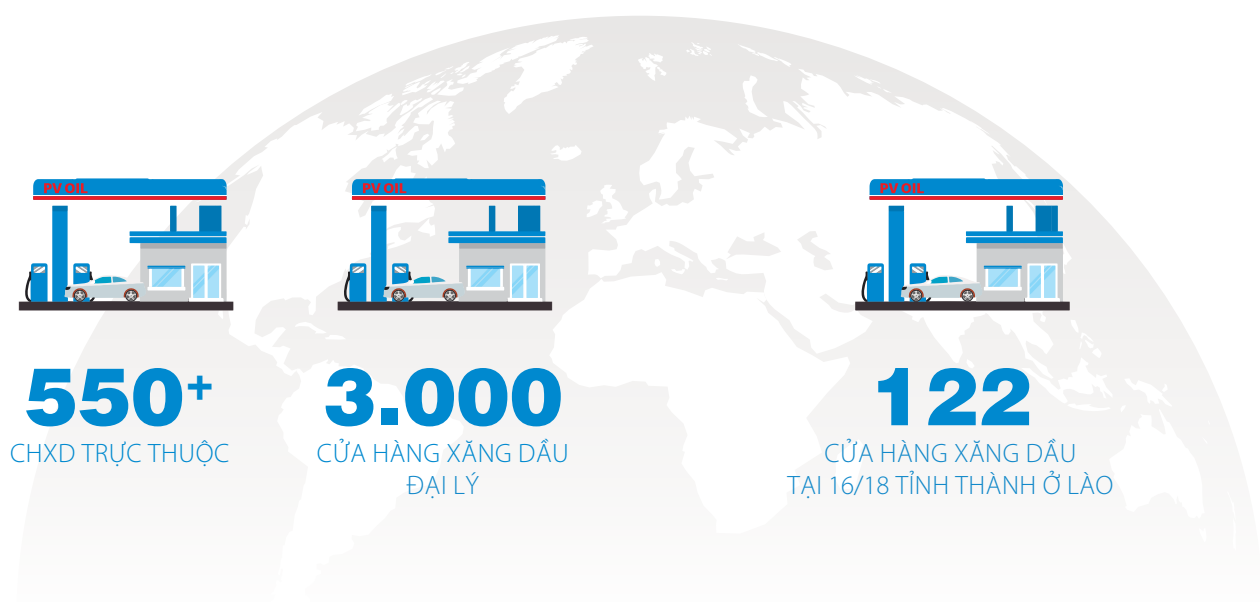
## ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

### Trong nước

PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 63/63 tỉnh thành phố trên cả nước với trên 3.500 cửa hàng xăng dầu (CHXD) trong đó có trên 550 CHXD do PVOIL trực tiếp quản lý vận hành và 3.000 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

### Nước ngoài

- ◆ PVOIL Lào kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh, thành phố với 122 CHXD.
- ◆ PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.



## HỆ THỐNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ KINH DOANH

- ◆ PVOIL hiện có trên 550 cửa hàng xăng dầu trực tiếp quản lý vận hành tại 63 tỉnh/thành phố.
- ◆ PVOIL sở hữu hệ thống 29 kho xăng dầu hiện đại trên cả nước với tổng sức chứa 953 ngàn m<sup>3</sup>, đảm bảo tồn chứa và cung ứng kịp thời sản phẩm đến khách hàng trên mọi miền đất nước, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong 5-7 năm tới. Tại Lào, PVOIL có 04 kho xăng dầu với tổng sức chứa trên 4.000 m<sup>3</sup>.
- ◆ PVOIL sở hữu đội xe bồn với số lượng trên 100 xe tổng dung tích trên 2.000 m<sup>3</sup> và 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m<sup>3</sup>, đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu vận chuyển nội bộ hệ thống và của khách hàng đại lý. PVOIL đang tiếp tục đầu tư phát triển đội ngũ vận tải để chủ động trong việc vận chuyển xăng dầu đi tiêu thụ, đồng thời kiểm soát tốt nhất chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường.



**953.000**  
m<sup>3</sup>  
TỔNG SỨC CHỨA



**100+**  
XE BỒN  
TỔNG DUNG TÍCH TRÊN 2.000m<sup>3</sup>



# CÁC CÔNG TY CON

## CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

### DANH SÁCH CÔNG TY CON

PVOIL hiện có 29 công ty con, trong đó có 03 công ty ở nước ngoài. Cụ thể:

STT	Tên Công ty con	Trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVOIL	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
<b>CÁC CÔNG TY CON Ở NƯỚC NGOÀI</b>					
1	PVOIL Lào	Vientiane, Lào	8.353.498 USD	100,00%	KDXD tại thị trường Lào
2	PVOIL Singapore	Singapore	5.000.000 USD	51,00%	Kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế
3	PVOIL Campuchia	Campuchia	10.000.000 USD	51,00%	Kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu, condensate và các sản phẩm dầu khí
<b>CÁC CÔNG TY CON TẠI VIỆT NAM</b>					
4	PVOIL Hà Nội	Hà Nội	250 tỷ đồng	71,35%	KDXD
5	PVOIL Hải Phòng	Hải Phòng	75 tỷ đồng	72,00%	KDXD
6	PVOIL Cái Lân	Quảng Ninh	100 tỷ đồng	80,19%	KDXD và cho thuê kho
7	PVOIL Hà Giang	Hà Giang	11,29 tỷ đồng	80,37%	KDXD
8	PVOIL Phú Thọ	Phú Thọ	50 tỷ đồng	71,68%	KDXD, cho thuê kho và bất động sản
9	PVOIL Thái Bình	Thái Bình	109 tỷ đồng	68,00%	KDXD và cho thuê kho
10	PVOIL Nam Định	Nam Định	66,6 tỷ đồng	56,75%	KDXD
11	PVOIL Ninh Bình (*)	Ninh Bình	20,688 tỷ đồng	20,26%	KDXD
12	PVOIL Thanh Hóa	Thanh Hóa	97,2 tỷ đồng	56,86%	KDXD và cho thuê kho
13	PVOIL Vũng Áng	Hà Tĩnh	100 tỷ đồng	56,50%	KDXD và cho thuê kho
14	PVOIL TT Huế	Huế	80 tỷ đồng	74,67%	KDXD và cho thuê kho
15	PVOIL Miền Trung	Quảng Ngãi	140 tỷ đồng	71,43%	KDXD và cho thuê kho

STT	Tên Công ty con	Trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVOIL	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
<b>CÁC CÔNG TY CON TẠI VIỆT NAM</b>					
16	PVOIL Phú Yên	Phú Yên	82,4 tỷ đồng	67,13%	KDXD và cho thuê kho
17	PVOIL Bình Thuận	Bình Thuận	57 tỷ đồng	79,68%	KDXD
18	PVOIL Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	120 tỷ đồng	57,18%	KDXD
19	CTCP Thương mại XNK Thủ Đức (Timexco)	TP.HCM	124 tỷ đồng	51,01%	KDXD; Kinh doanh thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng
20	PVOIL Sài Gòn	TP.HCM	200 tỷ đồng	65,18%	KDXD
21	Tổng Công ty Petec	TP.HCM	2.600 tỷ đồng	94,78%	KDXD, cho thuê kho và kinh doanh dịch vụ tổng hợp
22	Petro Mekong	Cần Thơ	514 tỷ đồng	89,37%	KDXD và cho thuê kho
23	PVOIL Bạc Liêu	Bạc Liêu	21,55 tỷ đồng	96,09%	KDXD và bách hoá tổng hợp
24	PVOIL Trà Vinh	Trà Vinh	22,67 tỷ đồng	96,27%	KDXD và bách hoá tổng hợp
25	PVOIL Tây Ninh	Tây Ninh	130 tỷ đồng	78,62%	KDXD và cho thuê kho
26	PVOIL Trans	TP.HCM	50 tỷ đồng	71,00%	Kinh doanh vận tải xăng dầu
27	PVOIL Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	500 tỷ đồng	67,60%	Sản xuất và pha chế xăng dầu
28	PVOIL LUBE	TP.HCM	89 tỷ đồng	62,67%	Sản xuất kinh doanh dầu mỡ nhờn và KDXD
29	Thái Bình PSC	Thái Bình	21 tỷ đồng	64,78%	Sản xuất và kinh doanh nước khoáng

(\*) PVOIL chi phối về nhân sự HĐQT tại PVOIL Ninh Bình với tỷ lệ biểu quyết 66,7%..

## CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (TIẾP THEO)

### DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

PVOIL hiện có 11 công ty liên doanh, liên kết có sở hữu trực tiếp, cụ thể:

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVOIL	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>					
1	Công ty CP Hóa Dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu Khí	Phú Thọ	696,8 tỷ đồng	39,76%	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel)
2	Công ty CP thương mại Dầu khí Petechim	TP.Hồ Chí Minh	200,0 tỷ đồng	29%	Cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí
3	Công ty CP Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	3,3 tỷ đồng	45%	Kinh doanh xăng dầu
4	Công ty CP Hóa Dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu Khí Miền Trung	Quảng Ngãi	1.132,4 tỷ đồng	34,28%	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học
5	Công ty CP Điều Phú Yên	Phú Yên	48,6 tỷ đồng	47,79%	Sản xuất, chế biến điều nhân xuất khẩu, gia công điều nhân, bán buôn điều thô
6	Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	121,0 tỷ đồng	24,26%	Kinh doanh xăng dầu, bách hóa tổng hợp và vật liệu xây dựng
7	Công ty CP Vật tư xăng dầu Comeco	TP.Hồ Chí Minh	141,2 tỷ đồng	44,79%	Kinh doanh xăng dầu
8	Công ty CP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Kiên Giang	46,0 tỷ đồng	33,96%	KDXD và cho thuê kho
<b>CÔNG TY LIÊN DOANH</b>					
1	Công ty TNHH Kho ngầm XDDK Việt Nam	TP.HCM	55,7 tỷ đồng	21,94%	Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu
2	Công ty Liên doanh Hóa chất LG Vina	Đồng Nai	3.800.000 USD	15,00%	Sản xuất và kinh doanh chất hóa dẻo chủ yếu cho ngành nhựa PVC
3	Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Bình Phước	636,5 tỷ đồng	30,01%	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

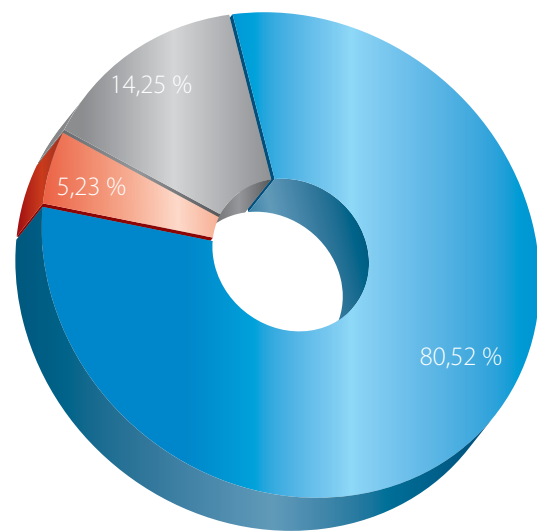
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần
- Mã chứng khoán: OIL
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Room tối đa cho khối ngoại: 6.621%
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 28/12/2018



- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- SK Energy (Hàn Quốc)
- Sở hữu khác



STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
<b>I CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>					
	Tổ chức	17	894.873.964	8.948.739.640.000	86,525%
	Cá nhân	4.274	79.558.319	795.583.190.000	7,693%
<b>II CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>					
	Tổ chức	19	57.914.007	579.140.070.000	5,599%
	Cá nhân	32	1.883.210	18.832.100.000	0,183%
<b>III CỔ PHIẾU QUỸ</b>					
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.034.229.500</b>	<b>10.342.295.000.000</b>	

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/12/2018

### Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co. Ltd	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có



# CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2018

## 01 PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

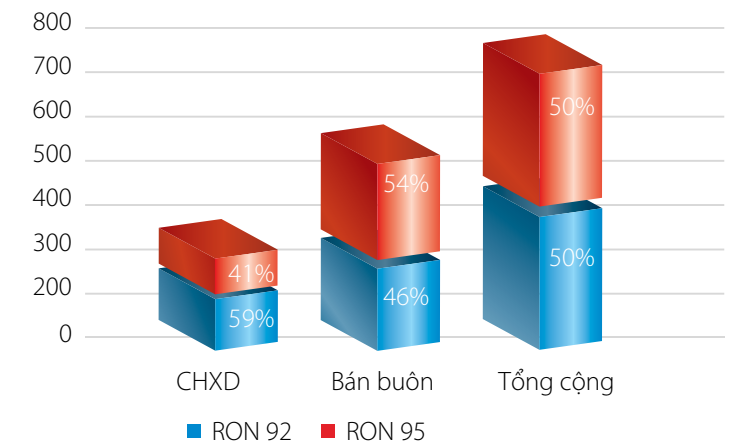
Ngày 25/01/2018, PVOIL đã tổ chức thành công đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Với khối lượng chào bán gần 207 triệu cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty, giá khởi điểm là 13.400 đồng/ cổ phần, tổng giá trị chào bán của PVOIL đạt hơn 2.770 tỷ đồng và đã được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua hết với khối lượng đăng ký hơn 483 triệu cổ phần, gấp 2,33 lần khối lượng chào bán, giá đầu thành công là 20.196 đồng/cổ phần. Hơn 1 tháng sau IPO, cổ phiếu PVOIL với mã OIL chính thức giao dịch trên sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 07/3/2018. Đại hội cổ đông lần thứ nhất của PVOIL tổ chức vào ngày 30/7/2018 và PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/8/2018.



## 02 KINH DOANH XĂNG E5 RON 92 THAY THẾ HOÀN TOÀN XĂNG KHOÁNG RON 92

Là doanh nghiệp xăng dầu tiên phong trong sản xuất và kinh doanh xăng nhiên liệu sinh học, PVOIL đã triển khai kinh doanh xăng E5 từ 01/8/2010, đến quý 4/2014 đã thay thế hoàn toàn xăng khoáng RON 92 tại 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, góp phần thúc đẩy lộ trình kinh doanh đại trà xăng sinh học trên toàn quốc. Theo lộ trình của Chính phủ, từ 01/01/2018, PVOIL đã triển khai kinh doanh đại trà xăng E5 thay thế RON 92 trên toàn quốc.

Tỷ trọng sản lượng E5 so với A95 tiêu thụ trong hệ thống PVOIL trong năm 2018 như sau:



## CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2018

### 03 RA MẮT CHƯƠNG TRÌNH “PVOIL Easy”

“PVOIL Easy” là một giải pháp quản lý giao dịch mua bán xăng dầu dành cho các khách hàng. Theo đó, PVOIL đã ứng dụng giải pháp Thẻ điện tử (digital card), đọc QR code trên thiết bị di động của tài xế và nhân viên bán hàng để thực hiện giao dịch mua bán xăng dầu tại các CHXD PVOIL. Để tham gia chương trình “PVOIL Easy”, khách hàng ký hợp đồng với một đơn vị kinh doanh của PVOIL, sau đó có thể mua xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu của đơn vị kinh doanh đó hoặc mua xăng dầu tại bất kỳ cửa hàng xăng dầu nào trong toàn hệ thống PVOIL trên cả nước nhưng chỉ thanh toán vào cuối kỳ cho đơn vị kinh doanh đã ký hợp đồng. Mục tiêu của chương trình “PVOIL Easy” là xây dựng hệ thống quản lý tập trung, giải pháp quản lý và thanh toán hiện đại thông qua phần mềm quản lý của chương trình “PVOIL Easy”; cung cấp cho khách hàng các dịch vụ chăm sóc, các chương trình khuyến mại nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng là các doanh nghiệp có phương tiện vận tải hoạt động trên các tuyến quốc lộ và các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.



Khi tham gia chương trình “PVOIL Easy”, khách hàng có được những lợi ích như: được cấp hạn mức tín dụng, thanh toán trả chậm và trả nợ vào cuối kỳ cho đơn vị kinh doanh đã ký hợp đồng; có thể mua xăng dầu tại bất kỳ cửa hàng xăng dầu nào của PVOIL trên cả nước và vẫn được thanh toán trả chậm; thanh toán không dùng tiền mặt và không dùng thẻ tín dụng; được cung cấp công cụ quản lý thông minh, hiện đại, cài đặt trên máy tính và thiết bị di động, kiểm soát giao dịch mọi lúc, mọi nơi; tài xế không phải mất thời gian chờ viết hoặc in hóa đơn khi mua hàng, không phải thực hiện thủ tục thanh toán mà các giao dịch được cập nhật và tổng hợp đầy đủ trên hệ thống quản lý.



### 04 TRIỂN KHAI “PVOIL Mobile”

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh xăng dầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn và chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp đầu mối, PVOIL đã tập trung vào thị trường ngách là các khu vực chưa có CHXD cố định và/hoặc phát sinh nhu cầu theo mùa vụ như: các khu công nghiệp, khu kinh tế, các công trình xây dựng, khai thác mỏ, tài trợ cho các chương trình quảng bá thương hiệu PVOIL tại một số giải đua xe địa hình và các sự kiện khác tại các địa phương và cửa trung ương,... Theo đó, PVOIL đầu tư xe bồn cấp phát (có gắn trụ bơm) để cung cấp xăng dầu đến tận nơi cho khách hàng. Đây là một hình thức bán hàng mới, mang tính đột phá với vốn đầu tư ban đầu thấp (khoảng 1 tỷ đồng/xe). Các xe bồn có gắn trụ bơm có thể vận hành như xe bồn thông thường, phục vụ nhu cầu vận chuyển xăng dầu đến các CHXD của các đơn vị thành viên PVOIL. Đến nay, sau hơn 1 năm



đưa vào khai thác vận hành thử nghiệm đạt kết quả khả quan, mặc dù còn không ít trở ngại nhưng hình thức xe bồn cấp phát hy vọng sẽ là hướng đi mới đầy tiềm năng giúp PVOIL đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khách hàng, gia tăng sản lượng bán lẻ.



## CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2018

### 05 ĐỒNG HÀNH CÙNG GIẢI ĐUA XE ĐỊA HÌNH VOC VỚI VAI TRÒ NHÀ TÀI TRỢ BẠCH KIM

Với vị thế là một trong những doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu lớn nhất cả nước, PVOIL tiếp tục đồng hành với Giải đua xe ô tô địa hình Việt Nam (VOC) 2018. Bên cạnh vai trò Nhà tài trợ Bạch kim, PVOIL đã tài trợ độc quyền toàn bộ xăng dầu cho xe của Ban Tổ chức và các đội đua tham gia giải. Đây là năm thứ 3 liên tiếp PVOIL đồng hành và tài trợ độc quyền về xăng dầu cho VOC; góp phần vào sự thành công của giải đấu cũng như nỗ lực đóng góp vào sự phát triển của bộ môn thể thao offroad tại Việt Nam. Hơn 6.000 lít xăng, dầu đã được PVOIL cung cấp trong suốt giải đấu. Ngoài ra, PVOIL còn tham gia giới thiệu các sản phẩm: dầu nhớt PVOIL Lube, nước khoáng Tiên Hải, bộ chăm sóc xe ô tô PVOIL Care,... Thông qua vai trò là Nhà tài trợ Bạch kim, PVOIL hy vọng sẽ mang thương hiệu, hình ảnh của mình đến gần hơn với người tiêu dùng và khẳng định vị thế của thương hiệu uy tín, chuyên nghiệp.



### 06 KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC VỚI CÔNG TY VINFAST SERVICE

Ngày 25/10/2018, tại Hà Nội, PVOIL đã tiến hành ký kết Thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty Vinfast Service - Tập đoàn Vingroup. Đại diện hai bên có Ông Cao Hoài Dương - Tổng Giám đốc PVOIL và Ông Hoàng Quốc Quyền - Tổng Giám đốc Vinfast Service đã ký kết với sự chứng kiến của Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Lãnh đạo Tập đoàn Vingroup. Theo đó, hai bên sẽ hướng đến mục tiêu:

- Triển khai đầu tư lắp đặt hệ thống điểm sạc pin cho các loại xe điện tại các cây xăng thuộc PVOIL và các đại lý ủy quyền của PVOIL;
- Đầu tư xây dựng mở rộng và kinh doanh các dịch vụ phi xăng dầu (cửa hàng tiện lợi, trạm sửa chữa bảo dưỡng ô tô,...) tại các cây xăng thuộc hệ thống của PVOIL;

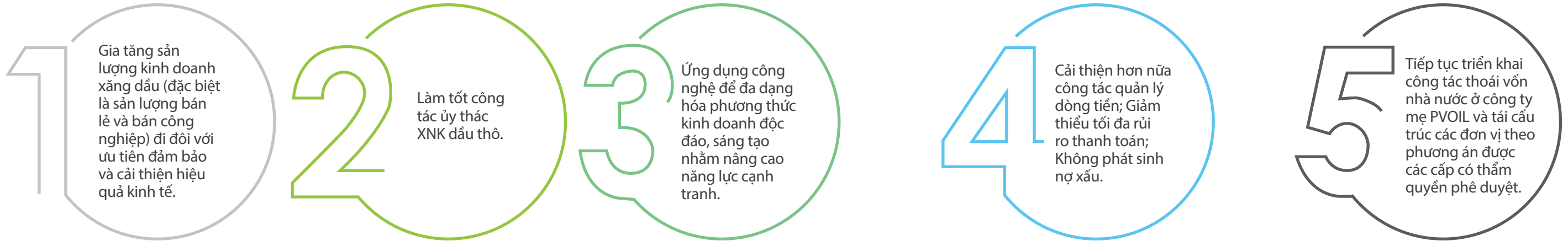
- Hợp tác đầu tư xây dựng, kinh doanh cây xăng tại các Khu đô thị, Khu công nghiệp của Vingroup; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của mỗi bên (PVOIL Easy, PVOIL Mobile, VinMec, VinSchool, VinHomes...)

Sự hợp tác này nhằm gia tăng hiệu quả, phát triển thị phần kinh doanh xăng dầu và các dịch vụ phi xăng dầu, đặc biệt, để đón đầu xu thế phát triển của ô tô chạy điện trong thời gian tới và hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực kinh doanh mà mỗi bên có thế mạnh.

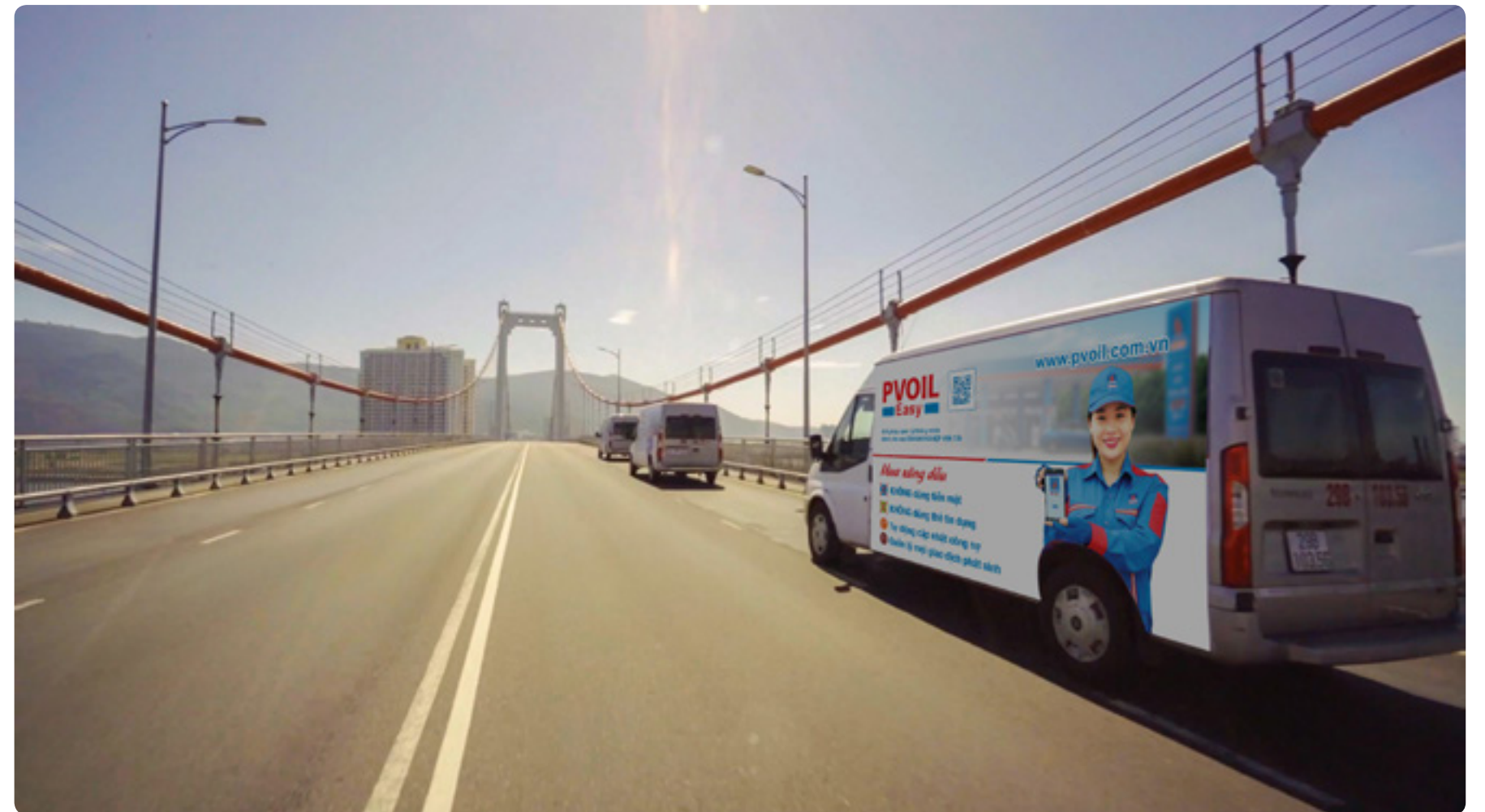


# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## GIAI ĐOẠN 2019 - 2020



**Kết thúc cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/8/2018, PVOIL tiếp tục xúc tiến công tác thoái vốn Nhà nước xuống dưới chi phối theo chỉ đạo của Chính phủ với mục tiêu lựa chọn được cổ đông lớn đủ tầm vóc, năng lực và kinh nghiệm đồng hành cùng Tổng công ty phát triển đột phá sau cổ phần hóa. Trong giai đoạn chuyển tiếp 2019-2020, khi Nhà nước chưa hoàn tất việc thoái vốn, PVOIL đặt mục tiêu phát triển ổn định, tập trung đổi mới về chất làm tiền đề cho các bước phát triển trong tương lai.**





## PHÂN TÍCH SWOT

# S

### ĐIỂM MẠNH

- Thương hiệu PVOIL đã được khẳng định trên thị trường trong và ngoài nước;
- Là đơn vị duy nhất tại Việt Nam đảm nhiệm dịch vụ ủy thác XNK dầu thô;
- Là đơn vị lớn thứ 2 trong lĩnh vực phân phối xăng dầu trong nước trên 20% thị phần, PVOIL còn rất nhiều dư địa để phát triển thị trường;
- Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và đồng bộ đạt tiêu chuẩn khu vực: với hệ thống kho cảng có tổng sức chứa gần 1 triệu m<sup>3</sup> trải rộng khắp cả nước;
- Có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước thông qua 25 công ty con với hơn 3.500 CHXD mang thương hiệu PVOIL; trong đó hơn 550 CHXD do PVOIL trực tiếp quản lý, vận hành;
- Có lượng khách hàng ổn định của ngành dầu khí;
- Có nguồn vốn dồi dào cho phát triển hệ thống.

# W

### ĐIỂM YẾU

- Tỷ trọng bán vào kênh tiêu thụ trực tiếp chưa cao, phụ thuộc vào kênh bán buôn đại lý (60%);
- Độ bao phủ của hệ thống CHXD tại một số địa phương, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM còn mỏng;
- Hầu hết ở các CHXD chưa được tận dụng để kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng phi xăng dầu rất tiềm năng như: quảng cáo, cửa hàng tiện ích, rửa xe/ thay dầu xe,... Tuy nhiên, đây chính lại là dư địa phát triển, gia tăng lợi nhuận của PVOIL trong tương lai nếu được khai thác triệt để;
- Hệ thống kho phân bổ không đồng đều và chưa tương xứng với nhu cầu kinh doanh, dư thừa sức chứa cục bộ;
- Bộ máy quản lý còn công kênh; mô hình tổ chức còn bất cập.

# O

### CƠ HỘI

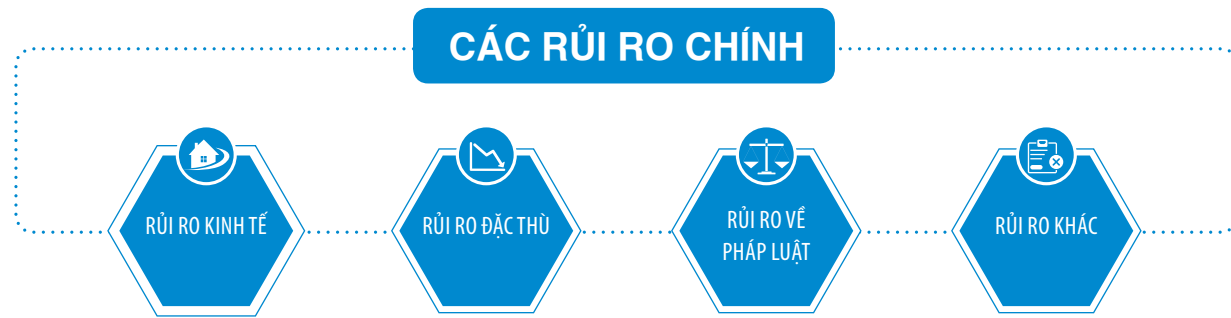
- Thị trường KDXD dự báo tiếp tục có mức tăng trưởng tốt, từ 5-6%/năm;
- Chính phủ triển khai nhiều giải pháp siết chặt kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại là cơ hội để các doanh nghiệp hoạt động nghiêm túc như PVOIL chiếm lĩnh thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối thông qua M&A;
- Nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đáp ứng trên 80% nhu cầu sẽ giúp các doanh nghiệp KDXD chủ động hơn trong việc đảm bảo nguồn;
- NMLD Nghi Sơn (có vốn góp của PVN) đi vào hoạt động sẽ là cơ hội để PVOIL mở rộng thị trường phía Bắc nhờ khai thác lợi thế từ kho xăng dầu Nghi Sơn;
- Chủ trương tiếp tục thoái vốn Nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối sẽ là cơ hội để thúc đẩy quá trình đổi mới, tái cấu trúc toàn diện, tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực quản trị điều hành,... của PVOIL.

# T

### THÁCH THỨC

- PVOIL sẽ đối mặt với môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt;
- Giá xăng dầu thế giới biến động khó lường ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị;
- Giá trị quyền sử dụng đất trong nước ngày càng tăng cao, cơ hội phát triển CHXD theo hình thức xây mới ngày càng thu hẹp đặc biệt tại các khu vực thành phố lớn.
- Sự phát triển mạnh mẽ của xe điện trong giai đoạn gần đây là thách thức không nhỏ đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

# CÁC RỦI RO



## RỦI RO KINH TẾ

### Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong năm 2018, lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường phổ biến ở mức 6-9%. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

### Rủi ro tỷ giá

Là doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng từ 80-90% nhu cầu trong nước, lượng xăng dầu nhập khẩu giảm mạnh giúp doanh nghiệp ít chịu ảnh hưởng rủi ro về tỷ giá.



## RỦI RO ĐẶC THÙ

### Rủi ro về giá dầu và điều hành KDXD của Chính phủ

Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới. Điều hành KDXD của Chính phủ trong hơn 4 năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và dẫn dắt tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp, cụ thể:

- Rủi ro về giá do biên độ điều chỉnh áp dụng hiện nay là 15 ngày, giá điều chỉnh tính bằng bình quân giá của 15 ngày trước đó, gây nên độ trễ so với biến động giá thế giới. Bên cạnh đó, Chính phủ còn sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu, do vậy giá trong nước chưa phản ánh kịp thời biến động giá thị trường, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quý IV/2018, do chịu tác động kép từ việc giá dầu thế giới giảm sâu và chính sách điều hành của Chính phủ, PVOIL đã chịu lỗ khá nặng.
- Ngoài ra, Chính phủ còn có quy định bắt buộc về tồn kho lưu thông 30 ngày đối với doanh nghiệp đầu mối và ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD làm hạn chế tính chủ động của doanh nghiệp trong điều hành kinh doanh.

### Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường

Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường,... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ,...



## RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty.

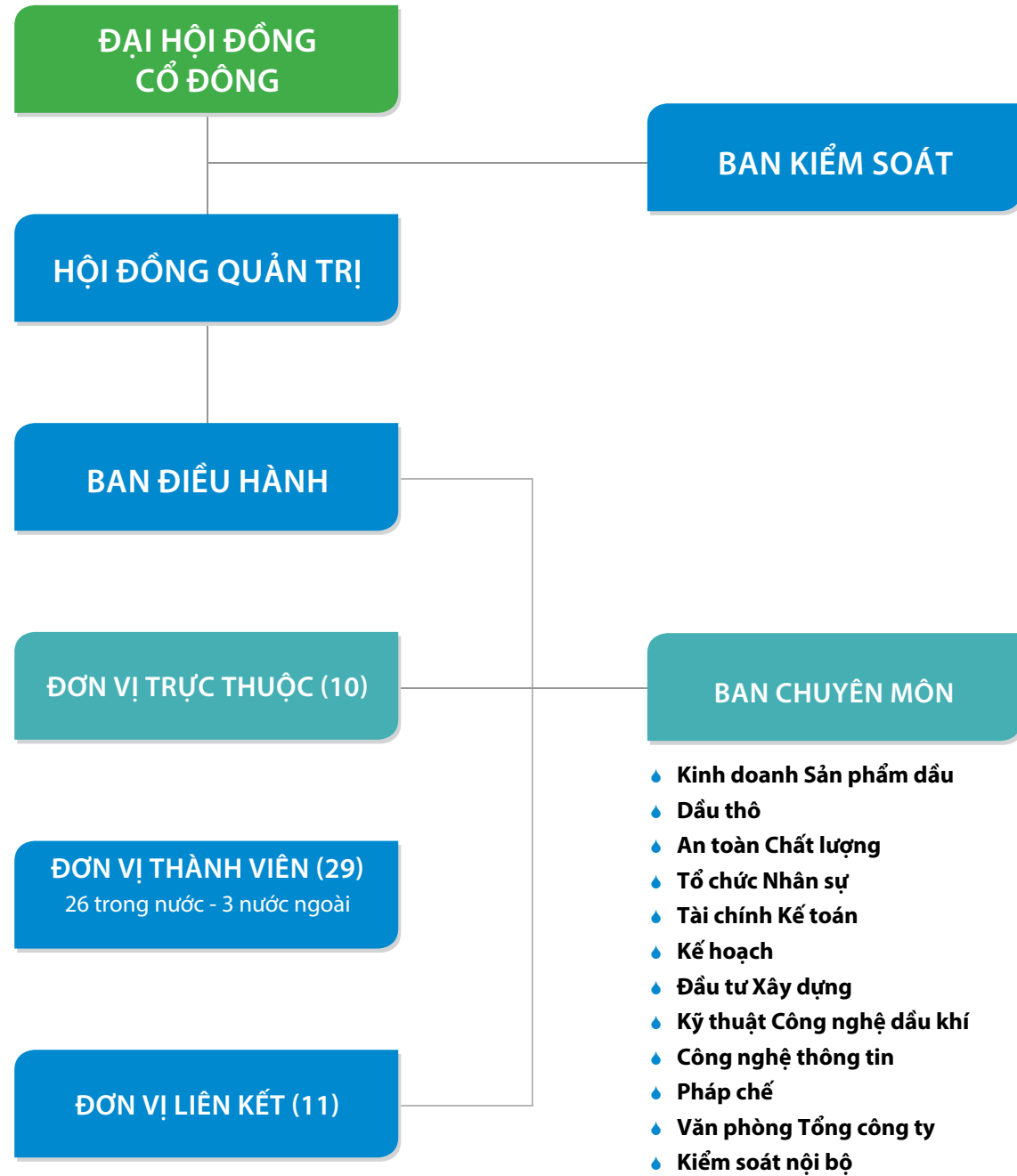
Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

## RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt,... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



# GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PVOIL

## GIỚI THIỆU

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



**ÔNG NGUYỄN HOÀNG TUẤN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 13/10/1964

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Nông Lâm

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành kinh doanh trước khi gia nhập ngành Dầu khí vào tháng 6/2007, đảm nhận vị trí quản lý tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI). Từ tháng 12/2013 đến 31/7/2018 ông đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục giữ cương vị Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông là người đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 284.661.929 cổ phần.



**Ông CAO HOÀI DƯƠNG**  
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 30/01/1972

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Hóa Công nghệ

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 26 năm đóng góp cho ngành dầu khí sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tại Úc. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành tại các đơn vị quan trọng của ngành Dầu khí như: Phó Tổng Giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông đang nắm giữ 237.877.885 cổ phần tại PVOIL. Trong đó, 237.872.785 cổ phần là đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu cá nhân.



**Ông TRẦN HOÀI NAM**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 14/08/1965

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet,...), ông được ĐHĐCĐ lần thứ nhất Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT (không chuyên trách) từ ngày 01/08/2018 đến nay

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

## GIỚI THIỆU

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông **LÊ VĂN NGHĨA**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 05/07/1966

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Ông đang nắm giữ 155.135.025 cổ phần tại PVOIL. Trong đó, 155.134.425 cổ phần là đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu cá nhân.



Ông **NGUYỄN VIỆT THẮNG**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 20/10/1975

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Với kiến thức, kinh nghiệm và uy tín của hơn 21 năm xây dựng và quản lý vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất, ông Nguyễn Việt Thắng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV vào tháng 04/2018. Ông tiếp tục nắm giữ cương vị thành viên HĐQT Tổng công ty sau khi chuyển đổi sang hình thức cổ phần, từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 155.134.425 cổ phần.



Ông **HANG ANH MINH**  
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 10/11/1975

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý dự án

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông đã có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng như Phó Ban Đầu tư tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Từ ngày 01/08/2018 đến nay, ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm và bầu chọn làm thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.



Ông **LÊ NGỌC QUANG**  
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

**Ngày sinh:** 21/03/1966

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

#### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có 26 năm gắn bó với ngành Dầu khí ở nhiều vị trí công tác khác nhau, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực thương mại, quản lý dự án... Uy tín, kinh nghiệm và những đóng góp tích cực của ông trong ngành dầu khí là cơ sở để ĐHĐCĐ Tổng Công ty tin tưởng và bầu chọn ông giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

PVOIL



## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Ông **CAO HOÀI DƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 30/01/1972

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Hóa Công nghệ

### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 26 năm đóng góp cho ngành dầu khí sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tại Úc. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành tại các đơn vị quan trọng của ngành Dầu khí như: Phó Tổng Giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông đang nắm giữ 237.877.885 cổ phần tại PVOIL. Trong đó, 237.872.785 cổ phần là đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu cá nhân.



Ông **VÕ KHÁNH HƯNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 28/09/1965

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Gắn bó với Petechim - đơn vị tiền thân của Tổng công ty ngay từ những ngày đầu thành lập (08/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt gần 27 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam từ tháng 06/2008 đến tháng 01/2010. Từ tháng 01/2010 đến nay, ông tiếp tục nắm giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - (Công ty TNHH MTV và CTCP).

Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.



Ông **PHẠM THÀNH VINH**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 19/06/1959

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toán

### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có trên 35 năm công tác trong ngành dầu khí, gia nhập Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - đơn vị tiền thân của Tổng công ty từ những ngày đầu thành lập với vai trò Kế toán trưởng. Ông được đề bạt làm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ tháng 02/2009 và tiếp tục nắm giữ cương vị này khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 800 cổ phần tại PVOIL.



Ông **NGUYỄN ANH TOÀN**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 17/09/1962

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

### Kinh nghiệm nghề nghiệp

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1996, ông đã trải qua các vị trí phó/trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, trưởng Ban Sản phẩm xăng dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/08/2018 đến nay ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP ở cương vị Phó Tổng Giám đốc.

Ông hiện đang sở hữu 1.700 cổ phần tại PVOIL.

## GIỚI THIỆU

### BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Ông **LÊ XUÂN TRINH**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 16/01/1961

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
**Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Gắn bó với ngành dầu khí ngay từ những năm đầu của thập niên 90 ở các vị trí quản lý cấp cao, ông Trinh là một trong những người có đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển ngành Dầu khí Việt Nam. Ông từng nắm giữ các vị trí quan trọng tại các công ty dầu khí lớn ở Việt Nam PTSC, Idemitsu, PVTSC, PV Gas. Từ tháng 12/2006 - 06/2008 ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) - đơn vị tiền thân của PVOIL. Từ tháng 07/2008 ông được PVOIL bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 3.000 cổ phần tại PVOIL.



Ông **NGUYỄN TUẤN TÚ**  
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 30/03/1972

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
**Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Ông đã có gần 29 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Từ tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.



Ông **VŨ HOÀI LAM**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 22/04/1971

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế Thương mại  
**Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 05/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.



Ông **NGUYỄN ĐĂNG TRINH**  
Kế toán trưởng

**Ngày sinh:** 20/07/1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính doanh nghiệp  
**Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Ông có gần 13 năm kinh nghiệm trong ngành Dầu khí, trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/08/2018 ông tiếp tục là Kế toán trưởng Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.



## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



# PVOIL



Ông **NGUYỄN ĐỨC KIỆN**  
Trưởng Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 25/09/1964

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

#### **Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Là người am hiểu sâu sắc công tác tài chính - kế toán và có bề dày 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành dầu khí, ông được HĐQT tín nhiệm và bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào ngày 01/08/2018.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.



Ông **PHẠM THANH SƠN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

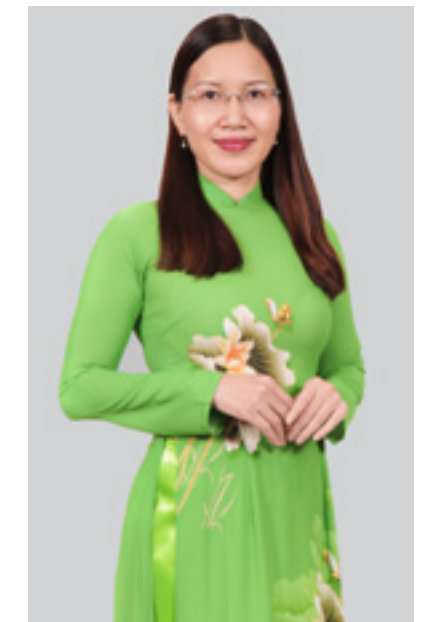
**Ngày sinh:** 01/08/1968

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

#### **Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Ông có kinh nghiệm công tác ở nhiều vị trí liên quan đến tài chính - kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL trước khi được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên Tổng công ty Dầu Việt Nam từ tháng 6/2008. Ông đã có nhiều đóng góp đáng kể trong việc hỗ trợ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ giám sát công tác kế toán cũng như thẩm định các báo cáo liên quan đến tình hình kinh doanh của Tổng công ty. Vì những đóng góp của mình, ông tiếp tục được Tập đoàn dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Tổng công ty bầu chọn làm kiểm soát viên tại CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 1.900 cổ phần tại PVOIL.



Bà **TRẦN THỊ PHƯƠNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 15/12/1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

#### **Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Bà đồng hành cùng Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 12/2007 ở vị trí Kiểm soát viên. Cũng với vị trí này từ 06/2008 đến tháng 07/2018, bà đóng vai trò tích cực trong việc giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, minh bạch và trung thực trong công tác quản lý và điều hành Tổng công ty. Vì những đóng góp của mình, bà tiếp tục được Tập đoàn dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Tổng công ty bầu chọn làm Kiểm soát viên Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

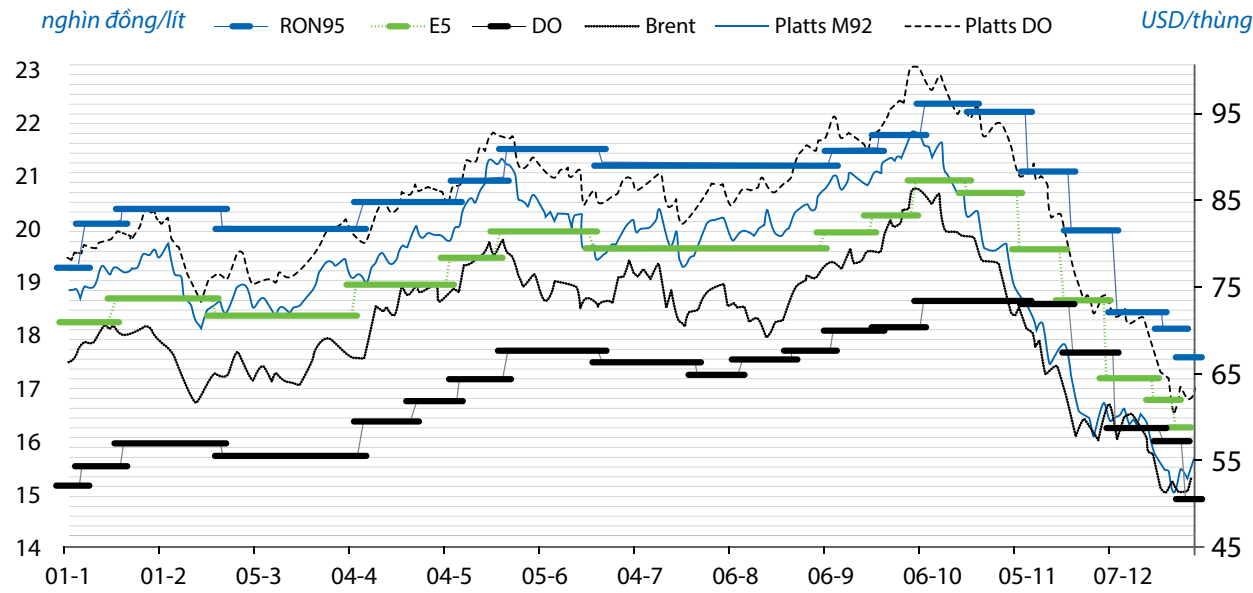
Bà hiện đang sở hữu 9.000 cổ phần tại PVOIL.

**LINH HOẠT**  
**PHÁT TRIỂN**



# BỐI CẢNH CHUNG

Trong năm 2018, thị trường dầu thô và xăng dầu thế giới tiếp tục biến động khôn lường. Giá dầu thô đạt đỉnh trong vòng 5 năm vào cuối quý III và sụt giảm mạnh, liên tục gần 50% thị giá trong quý IV, giá xăng dầu chuyển động đồng pha.



Thị trường xăng dầu nội địa tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt bởi 23 doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu (không kể 3 đầu mối chuyên doanh Jet A1) và gần 200 thương nhân phân phối. Chính phủ tiếp tục điều hành giá bán lẻ xăng dầu theo biên độ 15 ngày với 24 lần điều chỉnh dựa trên diễn biến thị trường kết hợp với sử dụng các công cụ quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu. Xăng sinh học E5 RON 92 chính thức đã thay thế xăng A92 kể từ ngày 01/01/2018. Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đã cung ứng sản phẩm ra thị trường từ tháng 7/2018 và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2018, góp phần đảm bảo nguồn cung trong nước. Trong năm 2018, Chính phủ đã xúc tiến triển khai nhiều biện pháp nhằm minh bạch hóa thị trường phân phối xăng dầu như yêu cầu gắn thiết bị in chứng từ bán hàng tại trụ bơm xăng dầu, ban hành lộ trình bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử (Nghị định 119/2018/NĐ-CP).

9 tháng đầu năm 2018, cùng với diễn biến tích cực của giá dầu thô, kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định, điều hành nhịp nhàng của Chính phủ và nỗ lực của toàn thể đội ngũ, PVOIL đạt kết quả kinh doanh rất khả quan. Trong quý IV, do chịu tác động kép của việc giá dầu giảm sâu cùng với chính sách bình ổn thị trường của Chính phủ, lợi nhuận của Tổng công ty đã bị sụt giảm đáng kể. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong đà suy giảm giá dầu, cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD của Tổng công ty.

Kết thúc năm 2018, PVOIL đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu năm kế hoạch được Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 30/7/2018 thông qua. Tuy nhiên, công ty cổ phần không đạt lợi nhuận kỳ vọng do đã phải trích lập nhiều khoản dự phòng theo quy định.

# KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

## CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

Tổng công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xuất khẩu an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô được giao, cung cấp đầy đủ dầu thô trong nước và nhập khẩu cho NMLD Dung Quất hoàn thành 100% kế hoạch cả năm và 102% kế hoạch 5 tháng của công ty cổ phần (CTCP).

Kiên định mục tiêu phát triển bán lẻ, với việc ứng dụng công nghệ và đa dạng hóa dịch vụ, sản lượng bán lẻ của PVOIL có bước tăng trưởng vượt bậc, tăng 9% về sản lượng và tăng 2,4 điểm % về tỷ trọng (đạt 25,6%) so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu toàn hệ thống PVOIL năm 2018 đạt 3.093.000 m<sup>3</sup>, hoàn thành 98% kế hoạch năm, bằng 96% so với cùng kỳ 2017; Sản lượng 5 tháng CTCP ước đạt 1.204.000 m<sup>3</sup>, hoàn thành 93% kế hoạch. Sản lượng sụt giảm mạnh trong quý IV khi giá dầu lao dốc là nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu sản lượng không đạt kế hoạch. So với cùng kỳ, nếu loại trừ sản lượng tiêu thụ tại 3 đơn vị mà PVOIL thoái vốn thì sản lượng tăng 2,5%.

Sản lượng sản xuất năm 2018 là 574.000 m<sup>3</sup>/tấn hoàn thành 91% kế hoạch năm và gấp 3 lần so với cùng kỳ 2017, trong đó xăng E5 RON 92 pha chế là 570.000 m<sup>3</sup>. Sản lượng sản xuất xăng E5 thấp hơn so với kế hoạch chủ yếu do tâm lý thị trường và các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối khác chưa mặn mà với xăng E5.

Kết quả cụ thể như sau:

ĐVT: 1000 m<sup>3</sup>/tấn

TT	Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018		TH 2018		So với TH 2017 (%)	So với KH (%)	
			Cả năm	5T CTCP	Cả năm	5T CTCP		Cả năm	5T CTCP
1	Đại lý Xuất khẩu/ bán dầu thô	13.388	11.628	4.576	11.642	4.670	87%	100%	102%
2	Nhập khẩu dầu thô cho BSR	638	270	400	487	407	76%	180%	102%
3	Sản xuất xăng E5, DMN	191	604	252	574	251	300%	95%	100%
4	Kinh doanh xăng dầu	3.219	3.150	1.290	3.093	1.204	96%	98%	93%



# KẾT QUẢ

## SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

**Doanh thu hợp nhất** toàn Tổng công ty đạt 61.585 tỷ đồng, hoàn thành 124% kế hoạch và bằng 102% so với cùng kỳ. Doanh thu 5 tháng của công ty cổ phần đạt 23.780 tỷ đồng, hoàn thành 156% kế hoạch. Doanh thu tăng trưởng mạnh so với kế hoạch nhờ giá dầu thô phục hồi mạnh mẽ trong 3 quý đầu năm 2018.

**Nộp NSNN hợp nhất** cả năm đạt 9.246 tỷ đồng hoàn thành 128% kế hoạch. Nộp NSNN 5 tháng của CTCP đạt 3.824 tỷ đồng, hoàn thành 173% kế hoạch năm.

#### VỀ CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN:

Trên cơ sở kết quả lợi nhuận khả quan của 6 tháng đầu năm do diễn biến tích cực của giá dầu, PVOIL đã báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và trình ĐHCĐ lần đầu thông qua kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5 tháng cuối năm của CTCP là 130 tỷ đồng và kế hoạch cả năm điều chỉnh là 500 tỷ đồng (tăng 160 tỷ đồng, tương đương 47% so với kế hoạch đầu năm).

Tuy nhiên, những diễn biến bất lợi của giá dầu trong quý IV/2018 đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận 5 tháng của CTCP và cả năm 2018. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm đạt 589 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch điều chỉnh và bằng 103% so với cùng kỳ.

Cụ thể như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH năm 2017	Năm 2018		% TH so với			
		KH đầu năm	KH điều chỉnh*	Thực hiện	Cùng kỳ	KH đầu năm	KH điều chỉnh
LNTT hợp nhất cả năm	571	340	500	589	103%	173%	118%
LNTT hợp nhất 5 tháng CTCP			130	83			64%

(\**) Kế hoạch LNTT điều chỉnh năm 2018 được xây dựng trên cơ sở kết quả lợi nhuận 6 tháng đầu năm (383 tỷ đồng), ước thực hiện tháng 7 và kế hoạch 5 tháng cuối năm CTCP.*

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5 tháng cuối năm của CTCP đạt 83 tỷ đồng, bằng 64% kế hoạch. Ngoài việc chịu ảnh hưởng của giá dầu, lợi nhuận của CTCP còn bị điều chỉnh giảm do các khoản xử lý tài chính khi chuyển từ Công ty TNHH 1TV sang CTCP theo quy định của Nhà nước về cổ phần hóa.

Cụ thể như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		TNHH 1TV	CTCP	Cả năm	TNHH 1TV	CTCP	Cả năm
1	LNTT chưa tính xử lý tài chính	410	170	580	359	74	433
2	Xử lý tài chính tại thời điểm chuyển sang CTCP:	96	(87)	9	270	(261)	9
-	Hoàn nhập/ Trích lập DP ĐTTT	14	(14)	-	188	(188)	-
-	Hoàn nhập/ Trích lập DP PTKĐ	82	(73)	9	82	(73)	9
3	Tổng LNTT (1+2)	506	83	589	629	(187)	442

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5 tháng cuối năm của CTCP bị giảm 87 tỷ đồng do phải trích lập lại các khoản dự phòng theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần ngày 01/8/2018 (LNTT hợp nhất 7 tháng Công ty TNHH 1TV tăng tương ứng do được hoàn nhập). Nếu không tính ảnh hưởng của khoản trích lập dự phòng này thì lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5 tháng cuối năm 2018 của CTCP PVOIL sẽ là 170 tỷ, vượt 31% so với kế hoạch (130 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ 5 tháng cuối năm của CTCP bị giảm 261 tỷ đồng do phải trích lập lại khoản dự phòng ĐTTT và nợ phải thu khó đòi theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần ngày 01/8/2018 (LNTT hợp nhất 7 tháng Công ty TNHH 1TV tăng tương ứng do được hoàn nhập). Nếu không tính ảnh hưởng của khoản trích lập dự phòng này thì lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ 5 tháng cuối năm 2018 của CTCP PVOIL sẽ là 74 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch (75 tỷ đồng).

# KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN (TIẾP THEO)

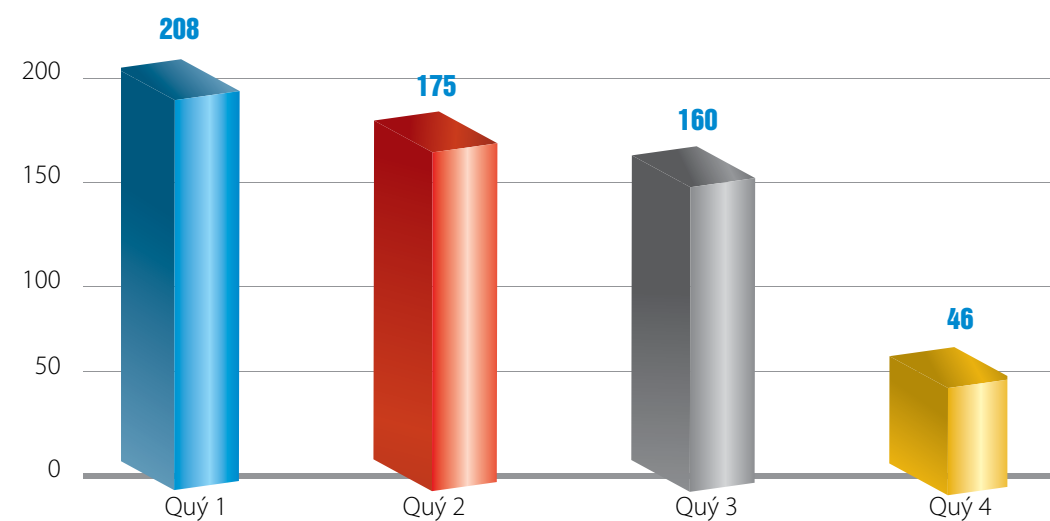
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 đạt 399 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch và bằng 77% so với cùng kỳ. LNST sụt giảm so với cùng kỳ chủ yếu do trong năm 2017 công ty mẹ còn trong thời hạn được chuyển lỗ từ các năm trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 5 tháng cuối năm 2018 chỉ đạt 17 tỷ, bằng 16% kế hoạch, chủ yếu do ảnh hưởng của số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 31/07/2018 của Công ty mẹ đã hoàn nhập và trích lập lại tại thời điểm 31/12/2018 khi thực hiện hợp nhất loại trừ nội bộ.

Cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018		TH 2018		So với TH 2017 (%)	So với KH (%)	
			Cả năm	5T CTCP	Cả năm	5T CTCP		Cả năm	5T CTCP
1	Doanh thu	60.133	49.800	15.240	61.585	23.780	102%	124%	156%
2	Nộp NSNN	9.330	7.200	2.200	9.246	3.824	99%	128%	173%
3	EBITDA	1.061	1.060		1.094		103%	103%	
4	LNTT	571	500	130	589	83	103%	118%	64%
5	LNST	516	400	104	399	17	77%	100%	16%

## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO QUÝ (TỶ ĐỒNG)



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2018, toàn TCT thực hiện đầu tư 308 tỷ đồng, hoàn thành 54 % KH, do một số dự án dừng, giãn đầu tư.

Các hạng mục đầu tư chủ yếu gồm:

- Phát triển hệ thống bán lẻ: trong năm PVOIL đã đầu tư phát triển mới 23 CHXD và triển khai thử nghiệm xe bồn cấp phát PVOIL Mobile.
- Đầu tư mở rộng kho xăng dầu Nghi Sơn, sức chứa tăng thêm 2.100 m<sup>3</sup> lên 12.100 m<sup>3</sup>.
- Đầu tư hệ thống pha chế E5 tại các kho xăng dầu thêm 500 ngàn m<sup>3</sup>/năm, nâng công suất pha chế toàn hệ thống lên 1,5 triệu m<sup>3</sup>/năm.

Chi tiết như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	KH	TH	% TH/KH
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	232	105	45%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	271	165	61%
3	Mua sắm khác	65	38	58%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>568</b>	<b>308</b>	<b>54%</b>
Trong đó: - Công ty mẹ		326	92	28%
- Công ty con		242	216	89%
Đầu tư từ nguồn vốn CSH		375	237	63%



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018	2018/2017
Tổng giá trị tài sản	26.993.096.526.178	24.664.001.343.464	94%
Doanh thu thuần	59.739.679.016.993	61.171.241.754.531	102%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	533.203.263.263	523.106.596.822	98%
Lợi nhuận khác	38.155.580.633	65.691.522.183	172%
Lợi nhuận trước thuế	571.358.843.896	588.798.119.005	103%
Lợi nhuận sau thuế	516.544.799.652	399.431.584.302	77%

(\*) Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng 3% so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 77% do năm 2017 công ty Mẹ còn trong giai đoạn được chuyển lỗ nên được miễn thuế TNDN.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,32	1,31
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,12	1,2
(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản (lần)	0,58	0,57
+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,38	1,31
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	20,86	24,83
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	2,21	2,48
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,9%	0,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	4,8%	3,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	2,1%	1,6%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,9%	0,9%

Ghi chú: Số liệu năm 2017 đã được điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước về giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ do Cổ phần hóa và Kiểm toán nhà nước về BCTC năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm so với thực hiện cùng kỳ kéo theo sự sụt giảm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng công ty.

### CÔNG TÁC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ, NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Xác định việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua nâng cao năng lực quản trị, điều hành, chất lượng dịch vụ có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt của PVOIL trong giai đoạn hiện nay, Ban Điều hành Tổng công ty đã quan tâm, chú trọng và quán triệt triển khai các công tác này.

#### NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TẠI KHO XĂNG ĐẦU, CHXD

PVOIL tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD và Đề án 808 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các Kho xăng dầu. Kết quả triển khai đến nay cho thấy có nhiều thay đổi tích cực về cảnh quan, vệ sinh môi trường, nhận dạng thương hiệu, tinh thần thái độ của nhân viên CHXD, kho xăng dầu, được khách hàng đánh giá cao và đã góp phần không nhỏ gia tăng sản lượng bán lẻ của PVOIL trong năm qua.

#### NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

**Công tác quản lý dòng tiền, công nợ: tiếp tục được thực hiện tốt thông qua việc sử dụng tài khoản trung tâm, Tổng công ty ban hành:** Quy định về thẩm định bảo lãnh ngân hàng, Quy định về quản lý nợ tín chấp; Quy định về hạn mức tiền gửi ngân hàng; Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu việc thanh toán qua hệ thống tài khoản trung tâm của các đơn vị; Kiểm soát giảm thiểu phát sinh lãi tiền gửi tại các tài khoản của đơn vị và của Tổng công ty; Kiểm tra, theo dõi, đơn đốc xử lý công nợ quá hạn, khó đòi trong của toàn hệ thống.

**Công tác kiểm tra, giám sát** tại Tổng công ty và các đơn vị được triển khai định kỳ, đột xuất nhằm quản trị doanh nghiệp tốt hơn, giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh của Đơn vị.

#### Công tác phòng chống cháy nổ tại các Kho, CHXD

**luôn được chú trọng:** Trong năm 2018, PVOIL không xảy ra tai nạn/sự cố nào gây thiệt hại về tài sản và người.

**Công tác nâng cao năng suất lao động của CBCNV:** Tiếp tục triển khai việc theo dõi, chăm công tự động bằng vân tay, giao và đánh giá KPIs đến từng CBCNV.

**Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu được đẩy mạnh giúp nâng cao thương hiệu PVOIL như:** Chính trang, nhận dạng thương hiệu CHXD; đẩy mạnh truyền thông, quảng cáo xăng E5 tại các CHXD và bằng nhiều hình thức; tham gia tài trợ giải đua xe Offroad 2018.

**Công tác chuyển đổi sang mô hình CTCP:** PVOIL hoàn thiện rà soát và ban hành lại hệ thống văn bản nội bộ (Hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018) phù hợp với mô hình hoạt động Công ty cổ phần.



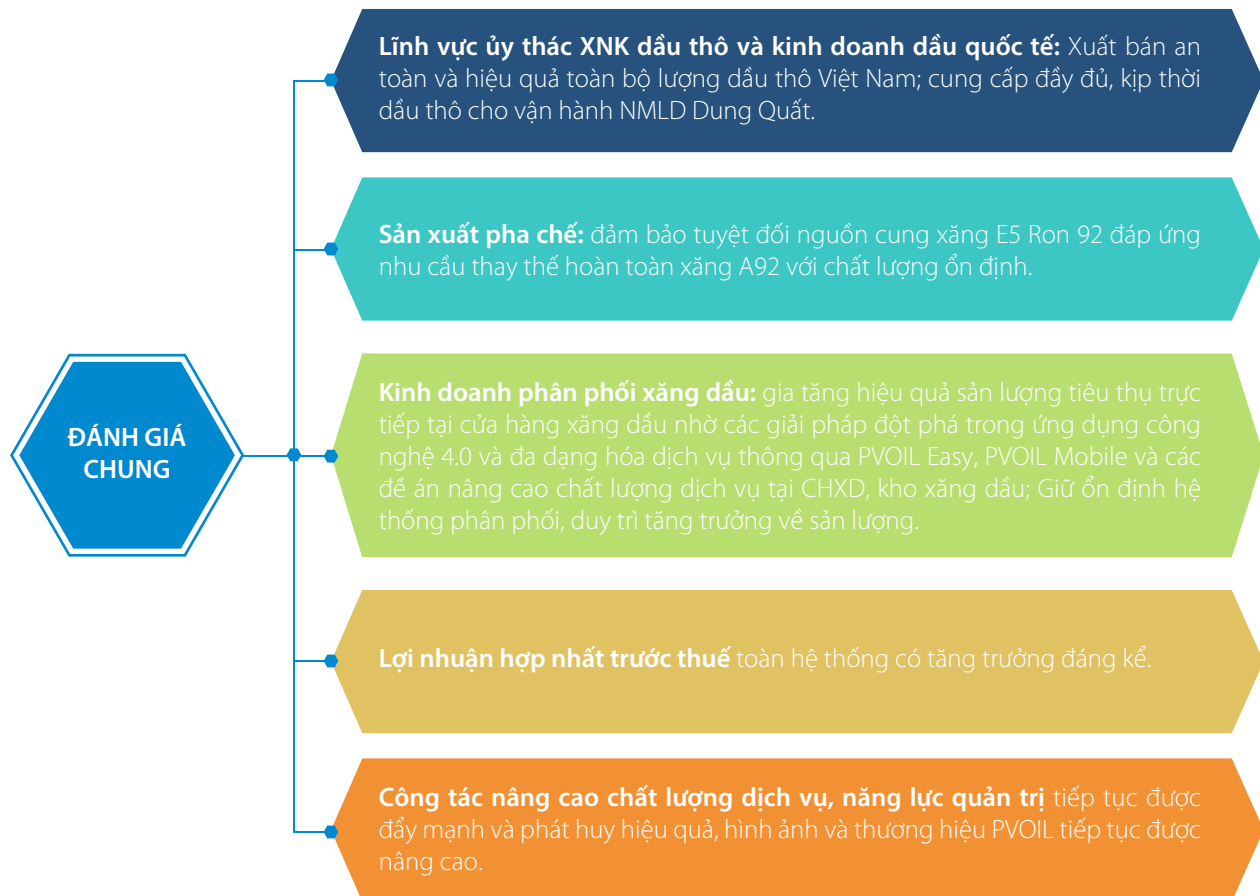
# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

**2018 là năm ghi dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển của Tổng công ty Dầu Việt Nam - PVOIL đã cổ phần hóa thành công và chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/8/2018. Vượt qua nhiều khó khăn thách thức trong bối cảnh thị trường nhiều bất ổn và cạnh tranh khốc liệt, PVOIL đã nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu và có mức tăng trưởng đáng kể so với năm 2017.**


## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### Đánh giá chung


2018 là năm ghi dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển của Tổng công ty Dầu Việt Nam - PVOIL đã cổ phần hóa thành công và chuyển đổi sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/8/2018. Vượt qua nhiều khó khăn thách thức trong bối cảnh thị trường nhiều bất ổn và cạnh tranh khốc liệt, PVOIL đã nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu và có mức tăng trưởng đáng kể so với năm 2017 với các dấu ấn sau:




## Các tiến bộ đạt được trong năm



**Ứng dụng CNTT trong quản lý**  
PVOIL đã ứng dụng thành công giải pháp Thẻ điện tử (digital card), đọc QR code trên thiết bị di động để thực hiện giao dịch mua bán xăng dầu tại các CHXD PVOIL. Giải pháp được khách hàng đánh giá cao và góp phần gia tăng đáng kể sản lượng bán lẻ của PVOIL, nâng cao năng lực cạnh tranh của PVOIL.



**Đa dạng hóa dịch vụ**  
Với việc triển khai thử nghiệm mô hình Xe bồn cấp phát - PVOIL Mobile phục vụ tại các khu công nghiệp, công trường, các mỏ,... bước đầu đạt kết quả khả quan.



**Cải thiện công tác quản trị nguồn nhân lực**  
Triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBCNV Công ty mẹ - Tổng công ty.

## Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế:

- ◆ Chưa tìm được đối tác chiến lược để cùng PVOIL đồng hành phát triển sau cổ phần hóa do Chính phủ không cho phép gia hạn thời gian chào bán cổ phần.
- ◆ Một số công ty con gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh như: PVOIL Lào (do Chính phủ Lào thay đổi chính sách đối với hoạt động kinh doanh phân phối xăng dầu) và PVOIL Phú Mỹ (do thay đổi bất lợi về sản lượng và giá nguồn condensate).
- ◆ Công tác đầu tư phát triển CHXD chưa đạt kế hoạch.

# BÁO CÁO

## CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

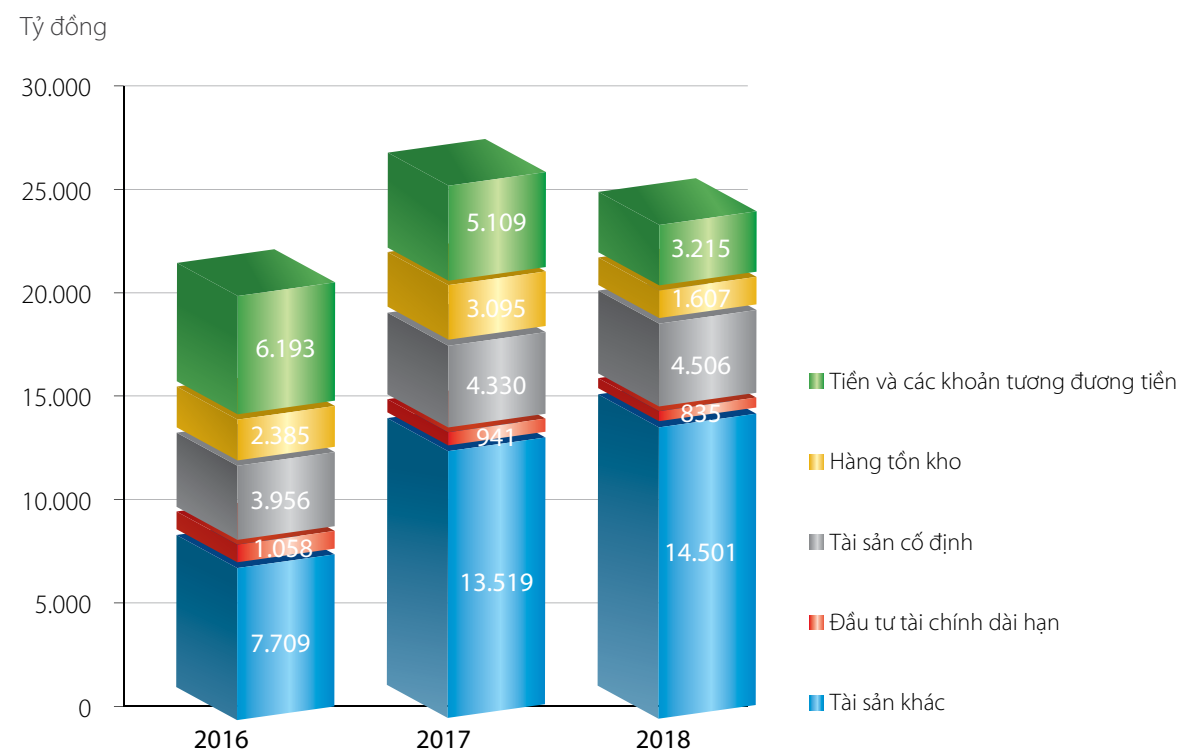
### PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

#### Tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2018 là 24.664 tỷ đồng, giảm 2.329 tỷ đồng (9%) so với đầu năm 2018, bao gồm: tài sản ngắn hạn 18.005 tỷ đồng, tài sản dài hạn 6.659 tỷ đồng. Trong đó:

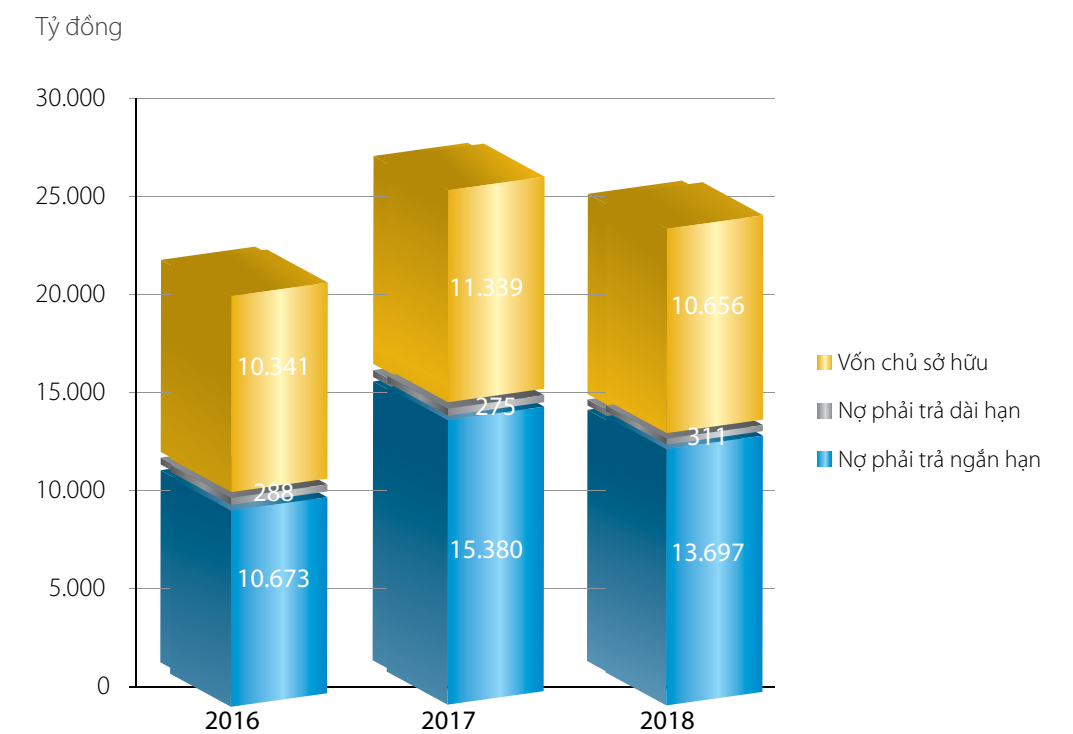
- Tài sản ngắn hạn giảm 2.392 tỷ đồng, chủ yếu do chỉ tiêu hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn giảm.
- Tài sản dài hạn tăng 63 tỷ, do tăng tài sản cố định.

Cơ cấu tài sản	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.193.305.161.814	29%	5.108.544.206.484	19%	3.215.523.791.104	13%
Hàng tồn kho	2.385.028.387.772	11%	3.094.886.771.977	11%	1.607.018.334.963	7%
Tài sản cố định	3.956.059.370.012	19%	4.330.046.751.533	16%	4.505.722.944.260	18%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.058.218.093.762	5%	940.987.496.904	3%	834.819.000.855	3%
Tài sản khác	7.709.133.926.686	36%	13.518.631.299.280	51%	14.500.917.272.282	59%
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.301.744.940.046</b>	<b>100%</b>	<b>26.993.096.526.178</b>	<b>100%</b>	<b>24.664.001.343.464</b>	<b>100%</b>



- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 9.503 tỷ đồng (không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát), giảm 737 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2018 chủ yếu do phát sinh các khoản xử lý tài chính theo quy định và kiểm toán Nhà nước tại thời điểm PVOIL chuyển sang Công ty cổ phần làm giảm vốn góp của chủ sở hữu.

Cơ cấu nguồn vốn	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	10.672.667.100.804	50%	15.379.698.195.308	57%	13.697.325.774.858	56%
Nợ phải trả dài hạn	287.918.520.876	1%	274.864.304.130	1%	310.725.433.101	1%
Vốn chủ sở hữu	10.341.159.318.366	49%	11.338.534.026.740	42%	10.655.950.135.505	43%
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.301.744.940.046</b>	<b>100%</b>	<b>26.993.096.526.178</b>	<b>100%</b>	<b>24.664.001.343.464</b>	<b>100%</b>

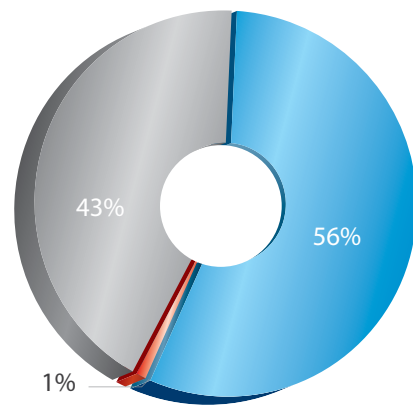




# BÁO CÁO

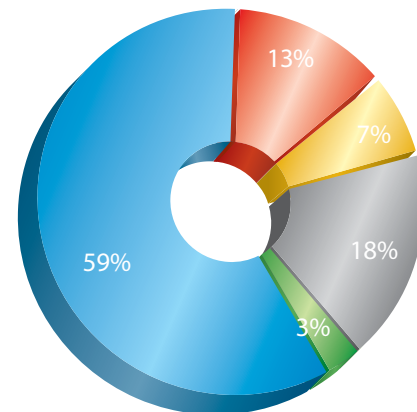
## CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2018



- Nợ phải trả ngắn hạn
- Nợ phải trả dài hạn
- Vốn chủ sở hữu

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2018



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Hàng tồn kho
- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản khác

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

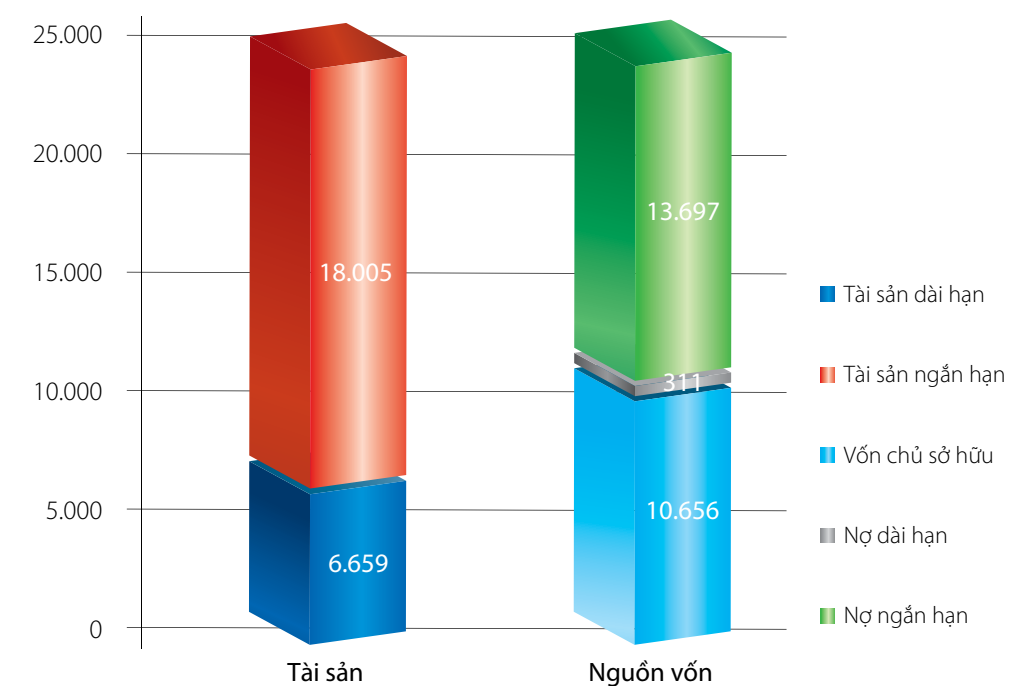
#### Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2018 là 14.008 tỷ đồng, giảm 1.647 tỷ đồng (12%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn.

- ◆ Phải trả người bán ngắn hạn 3.548 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 1.039 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN 512 tỷ đồng, Brunei Shell Petroleum Company Sendirian Berhad 410 tỷ đồng, BP Singapore Pte Ltd 384 tỷ đồng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) 336 tỷ đồng...
- ◆ Phải trả ngắn hạn khác 6.697 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, tiền thu từ Cổ phần hóa phải chuyển trả về Tập đoàn và Quý hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp,...
- ◆ Vay và nợ ngắn hạn 2.561 tỷ đồng, Quỹ Bình ổn giá xăng dầu 38 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 và số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/06/2016 do liên Bộ Công thương - Tài chính ban hành.
- ◆ Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.164 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Tỷ lệ tăng/giảm %
		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	
<b>A</b>	<b>Tài sản</b>	<b>26.993</b>	<b>100,0%</b>	<b>24.664</b>	<b>100,0%</b>	<b>-8,63%</b>
1	Tài sản ngắn hạn	20.397	75,6%	18.005	73,0%	-11,7%
2	Tài sản dài hạn	6.596	24,4%	6.659	27,0%	0,9%
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>26.993</b>	<b>100,0%</b>	<b>24.664</b>	<b>100,0%</b>	<b>-8,63%</b>
1	Nợ phải trả	15.655	58,0%	14.008	56,8%	-10,5%
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>15.380</i>	<i>57,0%</i>	<i>13.697</i>	<i>55,5%</i>	<i>-10,9%</i>
	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>275</i>	<i>1,0%</i>	<i>311</i>	<i>1,3%</i>	<i>13,0%</i>
2	Vốn chủ sở hữu	11.339	42,0%	10.656	43,2%	-6,0%

Tỷ đồng



# BÁO CÁO

## CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

#### Dự báo tình hình

Kinh tế trong nước dự báo tăng trưởng ổn định với GDP kỳ vọng đạt 6,8%, lạm phát tiếp tục được kiểm soát. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước dự báo duy trì mức tăng trưởng trên 70% mức tăng GDP.

Giá dầu thô và sản phẩm dầu luôn biến động khó lường do các yếu tố địa chính trị. Nguồn cung trong nước gia tăng, tuy nhiên NMLD Nghi Sơn đang trong giai đoạn đầu vận hành chưa thực sự ổn định vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho công tác đảm bảo nguồn hàng. Thị trường ngày

càng cạnh tranh khốc liệt với sự gia tăng liên tục các thương nhân phân phối cùng tình trạng gian lận thương mại diễn biến phức tạp.

Về điều hành KDXD, Chính phủ tiếp tục điều hành giá theo biên độ 15 ngày và thông qua các công cụ thuế, quỹ bình ổn giá và nỗ lực kiểm soát thị trường bằng nhiều giải pháp. Hóa đơn điện tử dự kiến bắt buộc áp dụng từ đầu quý III/2019.

#### Mục tiêu, nhiệm vụ

PVOIL đặt mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019:

#### Lĩnh vực Dầu thô

Đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô cho NMLD Dung Quất.

#### Sản xuất xăng dầu

Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với đảm bảo chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và bán cho các doanh nghiệp đầu mối khác.

#### Kinh doanh xăng dầu

Giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, đặc biệt là kinh doanh xăng E5; Tập trung gia tăng tỷ trọng bán vào các kênh tiêu thụ trực tiếp.

#### Công tác tái cấu trúc đổi mới doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp theo kế hoạch tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2016-2020 được Tập đoàn phê duyệt. Hoàn tất quyết toán cổ phần hóa.

#### Công tác đầu tư

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Xúc tiến đầu tư các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

#### Công tác quản trị hệ thống

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

#### Công tác thoái vốn Nhà nước tại PVOIL

Tiếp tục triển khai thoái vốn nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối với mục tiêu lựa chọn được cổ đông lớn đủ tầm vóc, năng lực và kinh nghiệm đồng hành cùng PVOIL phát triển đột phá sau cổ phần hóa.

### Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2019	So với KH 2018 (đầu năm)	So với KH 2018 (điều chỉnh)	So với TH 2018
1	Xuất khẩu/ bán dầu thô	1.000 tấn	10.600	91%	91%	91%
2	Cung cấp dầu thô cho BSR	1.000 tấn	6.700	87,5%	87,5%	87,5%
3	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1.000 m <sup>3</sup> /tấn	604	71%	100%	110%
4	SL kinh doanh xăng dầu	1.000 m <sup>3</sup> /tấn	3.200	102%	102%	103%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	26%	Tăng 2 điểm %	Tăng 2 điểm %	Tăng 1 điểm %
5	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	49.000	120%	120%	86%
6	LNTT hợp nhất	Tỷ đồng	440	129%	88%	78%

#### Kế hoạch đầu tư XD CB

Năm 2019, PVOIL tiếp tục đầu tư trọng tâm cho phát triển hệ thống CHXD bán lẻ và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị	So với TH 2018
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		110	104%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	44 CHXD	195	118%
3	Mua sắm khác		86	227%
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>390</b>	<b>126%</b>
	Trong đó: - Công ty mẹ		156	170%
	- Công ty con		234	108%
	<b>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</b>		<b>255</b>	<b>108%</b>

# BÁO CÁO

## CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018, nền kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì được sự ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt hơn 7%, mức cao nhất trong 10 năm gần đây. Chính phủ tiếp tục điều hành xăng dầu thông qua việc điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu và sử dụng các công cụ khác như quỹ bình ổn giá, thuế suất nhập khẩu xăng dầu với tổng cộng 24 đợt điều hành giá xăng dầu.

Diễn biến giá xăng dầu thế giới trong năm 2018 hình thành 02 xu hướng rõ nét: Trong 9 tháng đầu năm 2018, giá dầu thô và các mặt hàng xăng dầu nhìn chung biến động khá tích cực giúp các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có hiệu quả tốt. Tuy nhiên, ngay từ đầu quý IV năm 2018, giá dầu thô thế giới đã biến động mạnh, giảm sâu và liên tục làm thị trường xăng dầu trong nước diễn biến phức tạp.

Trước diễn biến bất ổn của giá xăng dầu và diễn biến phức tạp của thị trường xăng dầu trong nước, Tổng công ty đã quyết định việc điều hành hoạt động SXKD với ưu tiên chỉ tiêu lợi nhuận hàng đầu, điều hành hàng tồn kho ở mức thấp với phương châm "Mua nhanh - bán nhanh - tồn kho hợp lý". Cùng với sự đoàn kết, nỗ lực vượt khó của tập thể lãnh đạo, người lao động Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, kết quả SXKD năm 2018 nói chung và 5 tháng cuối năm 2018 nói riêng (giai đoạn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần) đã cơ bản đạt được các chỉ tiêu kế hoạch chính được ĐHĐCĐ lần thứ nhất giao.

Bên cạnh việc lãnh đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ giao. HĐQT Tổng công ty còn tập trung chỉ đạo công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp; niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM (Mã cổ phiếu OIL); hoàn thành các thủ tục chuyển tiếp từ hoạt động công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần;... và đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

### ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2018 nói chung và giai đoạn hoạt động của công ty cổ phần 5 tháng cuối năm 2018, điều hành của Tổng Giám đốc tuân thủ theo đúng Điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của pháp luật; đã chủ động nghiên cứu và triển khai phương thức kinh doanh mới nhằm gia tăng sản lượng xăng dầu bán lẻ; triển khai áp dụng một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Kết quả SXKD năm 2018 đạt được trong bối cảnh thị trường xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Tổng công ty.
- Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty, Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường xăng dầu nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch năm 2018 của Tổng công ty.
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng.

### BÁO CÁO VỀ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỜNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiền lương, thù lao và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng Quản trị thực hiện năm 2018 là 2.702 triệu đồng, bằng 76% kế hoạch do giảm tiền lương bình quân (vì Công ty mệ bị lỗ) và giảm 01 thành viên chuyên trách. Trong đó:
  - ❖ Quỹ tiền lương cho 06 thành viên chuyên trách: 2.522 triệu đồng

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tổng quỹ tiền lương KH 05 tháng 2018 được ĐHĐCĐ thông qua	Tổng quỹ tiền lương thực hiện 05 tháng 2018
1	Chủ tịch HĐQT	1	510	471
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1	494	471
3	Thành viên HĐQT	4	2.221	1.580
<b>Tổng quỹ lương</b>		<b>6</b>	<b>3.225</b>	<b>2.522</b>

- ❖ Quỹ thù lao cho 01 thành viên không chuyên trách: 180 triệu đồng. Tổng công ty không áp dụng thù lao cho thành viên chuyên trách.

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng	Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2018	Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2019
1	Thành viên HĐQT	1	15	75	180

- Tiền thưởng: không có

### CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

HĐQT sẽ tập trung triển khai các công tác sau đây trong năm 2019:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; nghiên cứu và áp dụng thêm nhiều phương thức kinh doanh mới nhằm gia tăng sản lượng xăng dầu qua kênh bán lẻ và khách hàng công nghiệp; tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động SXKD.
- Tăng cường giám sát hoạt động của công ty con, công ty liên kết mà PVOIL có vốn góp; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông; đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới; cải thiện hơn nữa công tác quản lý dòng tiền nhằm góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Hoàn thành quyết toán CPH Tổng công ty;
- Trình duyệt và triển khai phương án thoái vốn Nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối;
- Công tác tái cấu trúc:
  - ❖ Tiếp tục bám sát phương án tái cấu trúc Tổng công ty đã được Tập đoàn dầu khí Việt Nam phê duyệt để xây dựng và đẩy nhanh việc thoái vốn tại một số công ty có vốn góp của PVOIL khi thị trường diễn biến thuận lợi.
  - ❖ Xem xét phương án tổ chức lại hệ thống, sắp xếp lại các đơn vị thành viên theo mô hình tinh gọn, tiết giảm chi phí hoạt động và tập trung nguồn lực kinh doanh.
  - ❖ Triển khai thoái toàn bộ vốn tại Petec để cải thiện tình hình tài chính của Tổng công ty, tạo thêm nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư, đồng thời giảm sự dư thừa sức chứa kho cục bộ tại một số khu vực.
- Tái cơ cấu tài sản: Chỉ đạo tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí lại cơ cấu sức chứa, cơ cấu bồn bể; Tăng năng lực tồn chứa, khả năng xuất nhập ở những kho có lợi thế; chuyển nhượng hoặc cho thuê sức chứa;
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị trong toàn hệ thống; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hoàn thiện hệ thống ERP để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống; nâng cao tính minh bạch, công khai trong công tác quản trị doanh nghiệp.

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong 5 tháng cuối năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện 6 nhóm công việc kiểm tra, giám sát trọng tâm như sau:

- ♦ Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- ♦ Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy định về kinh doanh xăng dầu, tình hình bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp;
- ♦ Kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại doanh nghiệp, tập trung vào công tác quản lý dòng tiền, quản lý công nợ và hoạt động đầu tư tài chính;
- ♦ Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản và công tác quản lý hàng hóa, vật tư, tài sản tại doanh nghiệp;
- ♦ Phối hợp kiểm tra trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn vốn tại các đơn vị thành viên. Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan quản lý nhà nước.
- ♦ Thẩm định các báo cáo tài chính quý/năm của Tổng công ty, báo cáo giám sát tài chính của Hội đồng Quản trị.

Trong 5 tháng cuối năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để bầu Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban, tổng kết hoạt động 5 tháng cuối năm 2018 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019.

## KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG 5 THÁNG CUỐI NĂM 2018

### Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường xăng dầu Việt Nam vào các tháng cuối năm 2018, Tổng công ty đã nỗ lực và hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao. Do phải xử lý tài chính khi cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, theo đó Tổng công ty phải hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi số tiền 260 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh giai đoạn đến ngày 31/7/2018 và trích lập lại vào kết quả kinh doanh giai đoạn 01/8/2018 đến 31/12/2018 dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận của Tổng công ty không đạt như kỳ vọng.

Tuy nhiên, nếu loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập lại khoản dự phòng đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi, mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giá dầu giảm sâu dẫn đến Tổng công ty đã phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 106 tỷ đồng, thì lợi nhuận của Tổng công ty trong 5 tháng cuối năm vẫn là lãi 74 tỷ đồng.

### Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp được chú trọng triển khai phù hợp với Phương án được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

### Công tác quản trị

Tổng công ty đã nhanh chóng sắp xếp và ổn định tổ chức ngay sau thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục. Tổng công ty cũng đã ban hành 31 nghị quyết, quyết định, chỉ thị để quản lý, chỉ đạo các hoạt động của doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực phù hợp với quy định về quản trị công ty đại chúng.

### Công tác tài chính kế toán

Tổng công ty đã hạch toán đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với các quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Tổng công ty đã lập và nộp báo cáo tài chính, báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định.

### Kết quả giám sát đối với HĐQT

Hội đồng Quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông lần đầu và các chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phù hợp với các quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị cũng đã thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tổ chức các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định theo đúng quy định. Hội đồng Quản trị hoạt động chuyên nghiệp, minh bạch và thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

### Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành

Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các Ban chức năng và các đơn vị thành viên triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Thường xuyên làm việc, chỉ đạo các đơn vị thành viên chấn chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chung của Tổng công ty, phát huy tối đa mô hình công ty mẹ - công ty con. Kịp thời giải quyết các vướng mắc trong kinh doanh và tập trung xử lý các dự án đầu tư tốn đong.

## BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- ♦ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2018 (5 tháng) của Ban Kiểm soát là 1.063 tỷ đồng, bằng 79% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua do tiết giảm chi phí theo chỉ đạo của công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- ♦ Tổng công ty không áp dụng thù lao cho Ban Kiểm soát vì các thành viên đều là chuyên trách
- ♦ Tiền thưởng: không có

TT	Chức danh	Số người	Tổng quỹ tiền lương KH 05 tháng 2018 được ĐHCĐ thông qua	Tổng quỹ tiền lương thực hiện 05 tháng 2018
1	Trưởng Ban Kiểm soát	1	461	395
2	Thành viên Ban Kiểm soát	2	888	668
<b>Tổng cộng</b>		<b>3</b>	<b>1.349</b>	<b>1.063</b>

Tổng Giám đốc cũng đã tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, huy động hiệu quả nhiều nguồn lực, tối ưu hóa nhiều quy trình và áp dụng nhiều công nghệ mới vào công tác quản lý, điều hành và gia tăng sản lượng các kênh bán hàng có hiệu quả cao.

Tổng Giám đốc đã làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch trong công tác quản lý điều hành và thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

### Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Điều hành

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan và cử nhân sự hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Các báo cáo giám sát định kỳ, các báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trước khi trình Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát cũng đã thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng để làm rõ các nội dung liên quan trước khi có ý kiến cảnh báo hoặc khuyến nghị chính thức.

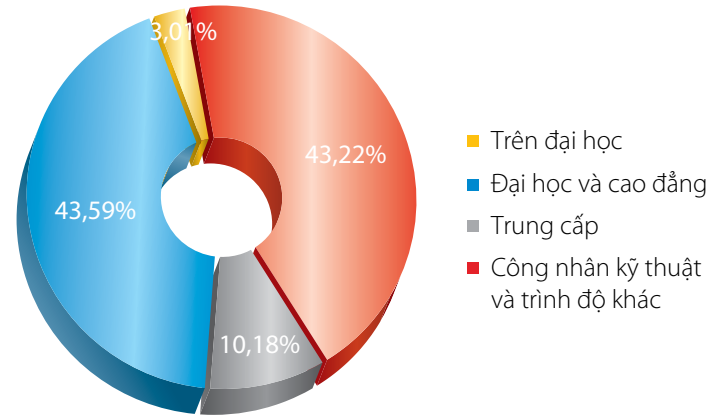
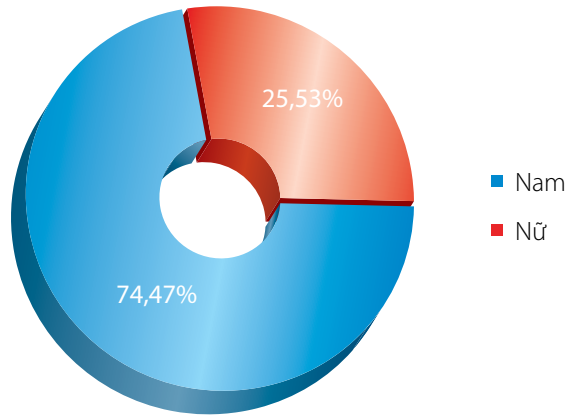
# BÁO CÁO VỀ NHÂN SỰ

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH



### LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 5.845 người, tiền lương bình quân của người lao động là 11,34 triệu đồng/người/tháng;



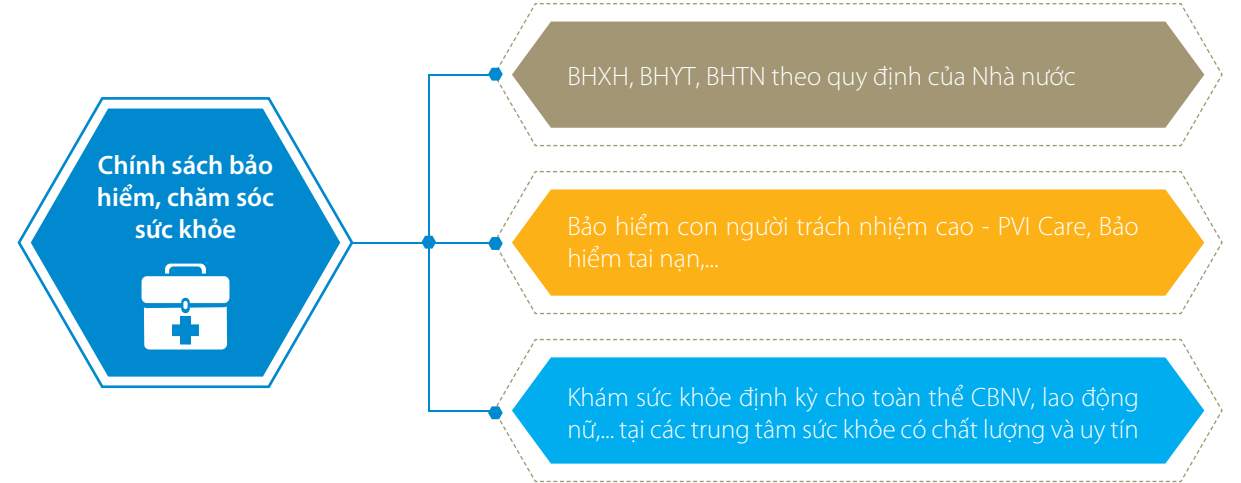
### CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### Chính sách lao động tiền lương

Từ đầu năm 2018, Tổng công ty đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV Công ty mẹ - Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng cá nhân/bộ phận từ đó để ra kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ CBNV cũng như tránh được việc cào bằng trong trả lương, trả thưởng.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng xây dựng lại Quy chế trả lương mới áp dụng cho Người quản lý và Người lao động kể từ ngày 01/8/2018 (thời điểm Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần). Về cơ bản được chính sách tiền lương đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực của mỗi CBNV đảm bảo cạnh tranh và công bằng.

Tổng công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật BHXH. Đồng thời nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, gồm:



#### Chính sách phúc lợi khác:

**TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ KHÁC**

- Ăn ca;
- Trang phục;
- Sinh nhật;
- Trợ cấp độc hại, an toàn vệ sinh viên,...
- Khác

**THAM QUAN, NGHỈ MẮT**

Tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát hàng năm

**HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO**

Tổ chức cho người lao động và con em được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp Lễ, Tết,...

#### Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP là hoạt động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và là đòn bẩy trong việc thực hiện chiến lược của Tổng công ty.

Các chương trình đào tạo được xác định trên cơ sở mục tiêu nhiệm vụ chung của toàn Tổng công ty và dựa trên năng lực chuyên môn cho từng vị trí công

việc nhằm rèn luyện các kỹ năng cần thiết, nâng cao hiệu quả công việc.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã triển khai đào tạo cho 9.647 lượt người với chi phí 10,55 tỷ đồng với các khóa đào tạo trong và ngoài nước về kỹ năng quản lý, trình độ ngoại ngữ, cập nhật kiến thức pháp luật, đào tạo nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu,...

# NỖ LỰC CHUYỂN ĐỔI

Bạn có phải là DOANH NGHIỆP VẬN TẢI?

*Mệt mỏi vì quản lý xăng dầu?  
Đau đầu vì chứng từ thanh toán?*

Hãy để **PVOIL**  
**Easy** giải quyết



[www.pvoil.com.vn](http://www.pvoil.com.vn)

## THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.**

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu - một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.

**Về sản phẩm**, xăng dầu được ví như là “máu của cơ thể”, là nguồn năng lượng cho sự phát triển của cả nền kinh tế. Tuy nhiên, mặt trái của sản phẩm hóa thạch này là gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường. Ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Song song đó, PVOIL đã góp vốn đầu tư 03 nhà máy nhiên liệu sinh học trên toàn quốc. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và đến quý 4/2014 PVOIL đã thay thế 100% A92 bằng E5 tại toàn bộ hệ thống cửa hàng của mình tại 4 tỉnh/thành Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam và Bà Rịa Vũng Tàu. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi mục tiêu, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018, được người tiêu dùng đón nhận tích cực.

**Với yếu tố con người**, PVOIL xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển. Vì vậy, Tổng công ty luôn có chiến lược chăm lo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững, bao gồm kiến tạo nên môi trường văn hóa doanh nghiệp vừa có nền tảng vững chắc vừa có bản sắc riêng. Đó là môi trường rèn luyện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo và luôn luôn đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.

**Đối với cộng đồng**, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực bằng cả tấm lòng.

## TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Không nằm ngoài xu thế phát triển chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới, ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Đây là Báo cáo Phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên được PVOIL đẩy mạnh nhằm đánh giá các tác động của Tổng công ty trong năm 2018 đối với mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

Báo cáo được thực hiện tại Việt Nam, về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học, được lập cho PVOIL và các công ty thành viên. Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho niên độ 2018 bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018.

Với những nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, PVOIL rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

**ÔNG ĐỖ MẠNH BÌNH**

Email: binhdm@pvoil.com.vn

Chức vụ: Trưởng ban Kế hoạch

**BÀ MAI BÍCH THUY**

Email: thuybm@pvoil.com.vn

Chức vụ: Phó Trưởng ban Kế hoạch

**Website: <https://www.pvoil.com.vn/>**



# NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA PVOIL ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN



PVOIL xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện cùng với chính sách đãi ngộ tương xứng với đóng góp của người lao động. Đồng thời đang nỗ lực từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ lao động thông qua đào tạo và đánh giá công việc bằng KPIs.

## ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG



PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã triển khai trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như Đề án 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu; đa dạng hóa các dịch vụ nhằm mang đến nhiều tiện ích cho khách hàng như PVOIL Easy, PVOIL Mobile.

## ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ



PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.



Lễ ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu giữa PVOIL Lào và Shell Thái Lan.

## ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH



PVOIL giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

## ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



PVOIL luôn cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bên cạnh việc quan tâm và đảm bảo trách nhiệm với người lao động. PVOIL đã tạo lập quỹ "PVOIL chung một tấm lòng" và duy trì hoạt động của Quỹ trong nhiều năm qua với các hoạt động thiết thực hướng về công đồng.



# BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

## DUY TRÌ HIỆU QUẢ HỆ THỐNG ATSKMT

### BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TÁC ATSKMT

- ◆ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ◆ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.

### DUY TRÌ, CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT

- ◆ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007/ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống đã được cập nhật, sửa đổi và ban hành mới sau khi PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO phiên bản mới.



- ◆ Việc triển khai các Đề án 1114 "Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD" và Đề án 808 "Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu" đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.
- ◆ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL đẩy mạnh nghiêm túc, thông qua: Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
  - ❖ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 "Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD" và Đề án 808 "Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu" với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống;
  - ❖ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.



# BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

## CÔNG TÁC AN TOÀN - AN NINH, PCCC, ỨNG CỨU TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Trong năm 2018, PVOIL đã triển khai đồng bộ các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với tổng chi phí 32 tỷ đồng (bao gồm bảo hiểm cháy nổ) với các hoạt động tiêu biểu sau:

- ◆ Tổ chức 36 lượt diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV.
- ◆ Tổ chức các khóa đào tạo và diễn tập ứng cứu sự cố tràn dầu, đào tạo và triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “phối hợp chữa cháy giữa tàu và bờ”, an toàn vệ sinh lao động.
- ◆ Cảnh báo và kịp thời phòng ngừa thiên tai, bão lụt, đảm bảo an toàn cho người và giảm thiệt hại về tài sản.
- ◆ Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.



## CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

PVOIL đặc biệt chú trọng chăm sóc sức khỏe cho người lao động thông qua các hoạt động sau:

- ◆ Thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ◆ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ◆ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng, CHXD.
- ◆ Tổ chức và cung cấp các bữa ăn trưa đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng cho CBCNV.
- ◆ Ngoài ra, để giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBCNV để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.



## CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

- ◆ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành.
- ◆ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải.
- ◆ Đầu tư và nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải tại các kho của PVOIL.
- ◆ Thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải, trang bị các thùng chứa/nhà chứa chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ một cách an toàn.
- ◆ Việc xử lý chất thải nguy hại được giao cho các đơn vị có chức năng thực hiện theo đúng quy định.



## XÂY DỰNG VĂN HÓA ATSKMT

- ◆ Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:
- ◆ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn - phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- ◆ Định kỳ PVOIL tổ chức các hội thi: Kỹ năng vận hành an toàn kho cảng, Hội thi tay nghề CHXD.
- ◆ Tổ chức cuộc thi An toàn Vệ sinh viên giỏi cấp Tổng công ty và tham gia cuộc thi An toàn Vệ sinh viên giỏi của Công đoàn ngành dầu khí Việt Nam tổ chức.



# BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

## CÁC CHỈ SỐ AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ NGHỀ NGHIỆP

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2018 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
<b>1</b>	<b>TAI NẠN LAO ĐỘNG</b>		<b>0</b>
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
<b>2</b>	<b>BỆNH NGHỀ NGHIỆP</b>		<b>0</b>
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
<b>3</b>	<b>KẾT QUẢ PHÂN LOẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>		
	+ Loại I	Người	562
	+ Loại II	Người	887
	+ Loại III	Người	3.175
	+ Loại IV	Người	687
	+ Loại V	Người	168
<b>4</b>	<b>SỐ NGÀY NGHỈ ỐM</b>	<b>NGÀY</b>	<b>0</b>



## NHIỆM VỤ CHÍNH CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG 2019

Những thành tích đạt được trong năm 2018 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2019 như sau:

- ◆ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ◆ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ◆ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ◆ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn hệ thống.
- ◆ Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ◆ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ◆ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

# BÁO CÁO

## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

**Năng lượng:** Tổng năng lượng PVOIL tiêu thụ trong năm 2018 là 7.588.537 kw, giảm 15,6 % so với năm 2017.

**Nước:** Tổng lượng nước Tổng công ty sử dụng trong sản xuất và kinh doanh năm 2018 là 297.645 m<sup>3</sup>, tăng 23 % so với năm 2017 (241.895 m<sup>3</sup>).



# TUÂN THỦ

## VỀ MÔI TRƯỜNG

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| 1 | Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực   |  |
| 2 | Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống;        |  |
| 3 | Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu;                            |  |
| 4 | Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều được cơ quan chuyên ngành chứng nhận về an toàn, bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động |  |
| 5 | Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018                    |  |



# BÁO CÁO CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

## VIỆC LÀM

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2018 là: 5.845 người

Tiền lương bình quân của người lao động là 11,34 triệu đồng/người/tháng;

Đối với lao động thời vụ: Tổng công ty và các đơn vị thành viên thỏa thuận chi trả tiền lương và chế độ chính sách khác theo hợp đồng lao động; đảm bảo mức tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng nơi người lao động làm việc.

Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian: được chú trọng với hoạt động như: thăm quan, nghỉ mát, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tổ chức ăn ca, sinh nhật... cho cán bộ công nhân viên.

*(Vui lòng xem chi tiết tại Mục Báo cáo về nhân sự, những cải tiến về công tác tổ chức, chính sách quản lý trang... BCTN)*

 **TỔNG NHÂN SỰ**  
**5.845**  
NGƯỜI

## KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2018 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL.

## KHÔNG SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC

PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.

## TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

PVOIL luôn cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh như: Website, Facebook, pano quảng cáo. Ngoài ra, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới thông qua các cơ quan truyền thông, báo chí và các cuộc hội thảo.

### Khách hàng có thể gửi đến PVOIL những góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức như:

- ◆ Gửi thư trực tiếp tới địa chỉ: Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ◆ Gửi email tới địa chỉ: contact@pvoil.com.vn
- ◆ Gọi điện thoại trực tiếp tới số: (84 - 28) 39119333
  - Số điện thoại 0988.43.17.17: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc;
  - Số điện thoại 0988.21.17.17: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam;
  - Liên quan đến PVOIL Easy: 08.966.18800.

### Quy trình xử lý khiếu nại:

BƯỚC	CÔNG VIỆC	TRÁCH NHIỆM
1	Thu thập thông tin khiếu nại	Bộ phận tiếp nhận khiếu nại
2	Phân loại khiếu nại của KH	Bộ phận tiếp nhận khiếu nại
3	Xem xét khiếu nại của KH	Ban chủ trì xử lý
4	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;">                     Đề xuất phương án giải quyết khiếu nại                 </div> <div style="width: 45%;">                     Báo cáo lãnh đạo                 </div> </div>	Ban chủ trì và Ban/ Đơn vị có liên quan
5	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;">                     Phê duyệt phương án                 </div> <div style="width: 45%;">                     Xem xét báo cáo                 </div> </div>	Lãnh đạo Tổng công ty
6	Thực hiện giải quyết khiếu nại	- Ban chủ trì - Ban/ Đơn vị có liên quan
7	Thông báo kết quả xử lý khiếu nại của KH	Bộ phận tiếp nhận khiếu nại
8	Lưu trữ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận; - Ban/ Đơn vị có khiếu nại



# BÁO CÁO

## CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

PVOIL nhận thức đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và mong muốn góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, nhân ái hơn. Trong năm 2018, PVOIL đã:

- ◆ Tham gia quản lý và điều hành quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin” với tư cách đơn vị đồng sáng lập, kinh phí thực hiện là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)
- ◆ Tham gia các hoạt động tài trợ như xây dựng trường học, các trung tâm y tế và các nhà Đại đoàn kết tại các địa phương trong cả nước:
  - Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với kinh phí 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)
- Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang với kinh phí 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)
- Nhà văn hóa giáo dục cộng đồng, kết hợp phòng chống thiên tai tại xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị với kinh phí 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).
- ◆ Hỗ trợ thiên tai bão lụt tại tỉnh Hà Giang với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).
- ◆ Hỗ trợ thiên tai bão lụt cho nhân dân Lào với số tiền là 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng)
- ◆ Thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Củ Chi, TP.HCM và công tác từ thiện nhân dịp Tết Mậu Tuất 2018 với tổng số tiền là 35.000.000 đồng (ba

mươi lăm triệu đồng); tặng Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước với số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- ◆ Tặng Trung tâm nuôi dưỡng người bị Chất Độc Màu Da Cam tại Thái Bình với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- ◆ Tặng quà cho trại thương binh nặng tại Long Hải và Trung tâm bảo trợ trẻ em cơ nhỡ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- ◆ Tổ chức tặng 200 suất quà, khám bệnh và phát thuốc cho 400 đồng bào; tặng 6.000 quyển tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn của huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông với kinh phí 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- ◆ Tổ chức chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết” xuân Mậu Tuất năm 2018. Chương trình do PVOIL phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM và Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức chuyến xe cho 650 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn từ TP.HCM về quê đón tết tại các tỉnh miền Trung (Bình Thuận đến Đà Nẵng). Ngoài việc tặng vé xe, tổ chức đưa đón sinh viên, cán bộ công nhân viên của PVOIL đã tổ chức đón tiếp, chuẩn bị thức ăn, nước uống cho các bạn sinh viên tại các cửa hàng xăng dầu PVOIL trên hành trình xe đi qua. Kinh phí thực hiện là 987.000.000 đồng (chín trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng trong năm 2018 gần 13 tỷ đồng từ nguồn chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.





The Bitexco Financial Tower

Emirates

citibank

MEKONG SUN COFFEE

SUNWAH CO

nov nordisk

SUN WAH TOWER

HUBB

K'WIG

NIJDA

PVOIL Easy

www.pvoil.com.vn

- Ưu đãi riêng**
- Khuyến dùng tiền mặt
  - Khuyến dùng thẻ tín dụng
  - Tự động cấp nhật công nợ
  - Chiết khấu mọi giao dịch phát sinh



## TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

#### MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	95 - 96
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	97 - 99
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	100 - 103
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	104
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	105 - 106
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	107 - 155

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Ông Nguyễn Hoàng Tuấn</b>	Chủ tịch
<b>Ông Cao Hoài Dương</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Việt Thắng</b>	Thành viên
<b>Ông Lê Văn Nghĩa</b>	Thành viên
<b>Ông Hạng Anh Minh</b>	Thành viên
<b>Ông Lê Ngọc Quang</b>	Thành viên
<b>Ông Trần Hoài Nam</b>	Thành viên

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>Ông Cao Hoài Dương</b>	Tổng Giám đốc
<b>Ông Phạm Thành Vinh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Lê Xuân Trinh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Võ Khánh Hưng</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Vũ Hoài Lam</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Nguyễn Tuấn Tú</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Nguyễn Anh Toàn</b>	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 662/VN1A-HN-BC

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 100 đến trang 155 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Số: 662/VN1A-HN-BC

### CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Như trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm giá trị của các lô đất tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PVOIL Sài Gòn và chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất với tổng số tiền là 60.167.359.356 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

### Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Số: 662/VN1A-HN-BC

### CÁC VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh chênh lệch vào khoản mục vốn để loại trừ khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tại ngày 31 tháng 7 năm 2018 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Khúc Thị Lan Anh**

*Phó Tổng Giám đốc*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

*Ngày 20 tháng 3 năm 2019*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



**Phạm Ngọc Hải**

*Kiểm toán viên*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2452-2018-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/8/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.005.113.352.135</b>	<b>19.287.161.816.605</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.215.523.791.104</b>	<b>4.238.409.617.335</b>
1. Tiền	111		1.919.114.073.755	2.807.086.405.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.296.409.717.349	1.431.323.212.288
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>4.214.567.251.881</b>	<b>3.063.559.388.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.558.970.520	2.885.377.124
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.306.883.336)	(1.382.989.124)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.213.315.164.697	3.062.057.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.823.583.258.744</b>	<b>9.203.082.491.511</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.404.382.989.440	4.354.405.979.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		117.334.598.028	179.321.982.345
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.125.117.890.466	5.410.287.426.975
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(825.834.082.448)	(745.199.934.514)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.581.863.258	4.267.036.708
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.607.018.334.963</b>	<b>2.611.333.205.159</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.701.398.666.353	2.611.333.205.159
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.380.331.390)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>144.420.715.443</b>	<b>170.777.114.600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	49.287.495.788	59.657.858.230
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	43.800.219.283	85.510.105.723
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	51.333.000.372	25.609.150.647

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/8/2018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.658.887.991.329</b>	<b>6.747.088.887.314</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.622.658.885</b>	<b>49.160.237.723</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	26.669.616.044	26.687.616.044
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	42.789.355.694	46.326.934.532
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(23.836.312.853)	(23.854.312.853)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.505.722.944.260</b>	<b>4.519.508.804.131</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.839.611.046.342	2.866.503.049.338
- Nguyên giá	222		6.294.909.734.276	6.173.614.352.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.455.298.687.934)	(3.307.111.303.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	125.998.830	182.937.090
- Nguyên giá	225		683.259.091	683.259.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(557.260.261)	(500.322.001)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.665.985.899.088	1.652.822.817.703
- Nguyên giá	228		1.853.831.063.642	1.828.741.816.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.845.164.554)	(175.918.999.112)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>120.085.987.296</b>	<b>117.702.482.618</b>
- Nguyên giá	231		138.355.539.115	135.964.080.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.269.551.819)	(18.261.598.233)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>153.272.465.357</b>	<b>170.931.333.920</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		585.993.545	585.993.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	152.686.471.812	170.345.340.375
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>834.819.000.855</b>	<b>892.985.707.856</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	769.516.431.009	817.094.822.773
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	84.657.433.530	85.391.733.530
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(19.354.863.684)	(9.500.848.447)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>999.364.934.676</b>	<b>996.800.321.066</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	946.493.214.934	934.512.349.666
2. Lợi thế thương mại	269	20	52.871.719.742	62.287.971.400
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>24.664.001.343.464</b>	<b>26.034.250.703.919</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/8/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.008.051.207.959</b>	<b>15.386.010.076.911</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.698.618.233.326</b>	<b>15.107.133.253.187</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	3.547.986.024.113	4.010.825.060.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.175.884.157	55.278.957.049
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	608.287.456.999	823.699.955.653
4. Phải trả người lao động	314		96.693.879.733	121.317.759.233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	36.757.920.259	64.723.843.788
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.156.341.735	3.439.893.453
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	6.696.677.095.203	6.643.205.562.204
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	2.561.144.793.935	3.140.269.263.855
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	26.221.650.510	16.645.336.292
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.877.383.072	24.084.319.305
11. Quỹ bình ổn giá	323	26	37.639.803.610	203.643.301.652
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>309.432.974.633</b>	<b>278.876.823.724</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		951.181.334	951.181.334
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.542.500.038	3.121.532.690
3. Phải trả dài hạn khác	337		13.791.073.708	16.492.373.883
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	189.345.305.642	208.238.461.709
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	103.802.913.911	50.073.274.108

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/8/2018
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.655.950.135.505</b>	<b>10.648.240.627.008</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>10.655.950.135.505</b>	<b>10.648.240.627.008</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.587.978.678	7.587.978.678
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(167.017.350.614)	(167.017.350.614)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		9.986.499.655	11.918.354.753
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		190.699.297.399	188.629.193.551
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(4.622.433.701)	(4.622.554.985)
7. Lỗ lũy kế	421		(881.667.848.758)	(913.391.633.792)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(915.343.013.359)	(1.223.393.413.399)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.675.164.601	310.001.779.607
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.959.092.576	5.959.092.576
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	30	1.152.729.900.270	1.176.882.546.841
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>24.664.001.343.464</b>	<b>26.034.250.703.919</b>

**Phùng Tố Vân**  
Người lập biểu

**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>33</b>	<b>23.630.508.162.597</b>	<b>37.558.366.670.811</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	11.108.704.268	6.524.374.609
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>33</b>	<b>23.619.399.458.329</b>	<b>37.551.842.296.202</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	22.555.596.264.137	35.908.169.843.662
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.063.803.194.192</b>	<b>1.643.672.452.540</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	132.898.998.593	164.279.222.104
7. Chi phí tài chính	22	37	88.003.498.194	98.605.710.608
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.813.309.421	75.712.575.940
8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	18	(7.698.547.982)	(10.140.627.617)
9. Chi phí bán hàng	25	38	668.164.803.523	898.223.223.064
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	374.203.582.755	336.507.276.864
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>58.631.760.331</b>	<b>464.474.836.491</b>
12. Thu nhập khác	31	39	27.553.541.732	89.584.523.960
13. Chi phí khác	32	39	2.918.644.239	48.527.899.270
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>39</b>	<b>24.634.897.493</b>	<b>41.056.624.690</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>83.266.657.824</b>	<b>505.531.461.181</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	12.058.587.792	153.665.369.953
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	28	53.729.639.803	(30.087.062.845)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.478.430.229</b>	<b>381.953.154.073</b>
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		33.675.164.601	347.753.675.560
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(16.196.734.372)	34.199.478.513
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>41</b>	<b>33</b>	

**Phùng Tố Vân**  
Người lập biểu

**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>83.266.657.824</b>	<b>505.531.461.181</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>136.807.052.892</b>	<b>(211.402.162.768)</b>
- Chi khí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	165.053.590.556	199.718.554.489
- Các khoản dự phòng	03	194.350.702.991	(122.412.315.652)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	223.403.024	4.156.242.680
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(121.330.772.126)	(136.517.909.343)
- Chi phí lãi vay	06	64.813.309.421	75.712.575.940
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(166.303.180.974)	(232.059.310.882)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>220.073.710.716</b>	<b>294.129.298.413</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	261.155.874.656	590.871.292.513
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	909.934.538.806	490.727.851.199
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi và phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(467.044.538.125)	(2.550.363.934.133)
- Tăng, giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(45.923.890.971)	2.970.070.122
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(326.406.604)	(3.531.061.496)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(58.367.409.806)	(78.204.478.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(113.738.219.854)	(33.162.007.062)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	299.682.932	4.066.043.712.197
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.616.310.244)	(4.045.870.651.072)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>675.447.031.505</b>	<b>(1.266.389.908.008)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(101.828.468.461)	(156.532.877.005)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	8.197.417.990	42.403.889.802
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.005.575.164.697)	(2.958.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.852.973.033.806	2.001.343.966.194
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(723.957.161)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.812.300.000	-
7. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	145.031.321.599	209.172.796.196
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.099.389.559.765)</b>	<b>(862.336.181.974)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.645.915.668.826	9.777.902.205.301
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.243.884.628.313)	(8.519.380.376.258)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(48.666.500)	(68.133.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(598.017.625.987)</b>	<b>1.258.453.695.943</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.021.960.154.246)</b>	<b>(870.272.394.039)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.238.409.617.335</b>	<b>5.108.544.206.484</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(925.671.985)	137.804.890
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.215.523.791.104</b>	<b>4.238.409.617.335</b>



**Phùng Tố Vân**  
Người lập biểu



**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "PVOIL"), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 711 người (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 721 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 29 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,67%	62,67%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	96,27%	96,27%	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	96,09%	96,09%	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Bình Thuận	79,68%	79,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	56,86%	56,86%	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; bất động sản...
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,35%	71,35%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	74,67%	74,67%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00%	100,00%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng các loại nhà.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	0051,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 29 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thủy.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty TNHH Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	71,43%	71,43%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	71,00%	71,00%	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Hà Giang	80,37%	80,37%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sắt thép, vật liệu xây dựng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,19%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (ii)	Ninh Bình	20,26%	66,67%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh chênh lệch vào khoản mục vốn để loại trừ khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

(ii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PVOIL Ninh Bình) là 20,26%. Tuy nhiên, Tổng Công ty có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị (2 trên 3 thành viên Hội đồng Quản trị là người của Tổng Công ty, tương ứng tỷ lệ biểu quyết là 66,67%) theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 193/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 của PVOIL Ninh Bình.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	21,94%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu Công
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Đồng Nai	15,00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP Công
DOP Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	31,12%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Petechim	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí Công
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Comeco	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	45,00%	45,00%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	24,53%	24,79%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Kiên Giang	33,96%	33,96%	Kinh doanh xăng dầu, xi măng

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tại ngày 31 tháng 7 năm 2018 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập dựa trên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm cả phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc		5 - 50
Máy móc và thiết bị		3 - 20
Phương tiện vận tải		6 - 20
Thiết bị quản lý		3 - 10
Tài sản cố định khác		4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó, cụ thể như sau:

	(Số năm)
Phương tiện vận tải	5 - 7

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị lợi thế vị trí địa lý của một số cửa hàng xăng dầu, giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất đang thuê và giá trị thương hiệu) phát sinh tại PETEC - một công ty con của Tổng Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng theo dõi giá trị thương hiệu được ghi nhận theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giá trị lợi thế vị trí địa lý thể hiện khoản chênh lệch giá mua của một số cửa hàng xăng dầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất còn lại của các cửa hàng, từ 13 năm đến 50 năm.

Giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định hiện hành kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu” và Thông tư số 90/2016/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 24 tháng 6 năm 2016 (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016) về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và Điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Tiền mặt	68.906.419.094	21.215.813.766
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	1.846.073.316.001	2.783.983.916.041
Trong đó:		
Số dư tài khoản quỹ bình ổn (ii)	10.626	250.680.147.800
Tiền đang chuyển	4.134.338.660	16.901.722.831
Các khoản tương đương tiền (i), (iii)	1.296.409.717.349	1.416.308.164.697
	<b>3.215.523.791.104</b>	<b>4.238.409.617.335</b>

- (i) Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 12.173.022.712 Việt Nam đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi không kỳ hạn và 8.985.600.000 Việt Nam đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành ngân hàng sở hữu 100% vốn bởi Nhà nước, theo đó ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Số dư tài khoản quỹ bình ổn được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.
- (iii) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 6,6%/năm (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: từ 4,3% đến 6,5%/năm).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh	31/12/2018		01/8/2018	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>2.558.970.520</b>	<b>(1.306.883.336)</b>	<b>2.885.377.124</b>	<b>(1.382.989.124)</b>
Công ty Cổ phần Thép Pomina (i)	479.473.051	185.115.700	752.834.960	431.520.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	662.700.000	662.700.000	846.000.000	804.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (i)	-	-	226.179	58.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (i)	678.026.087	184.240.000	678.026.087	227.010.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (i)	608.289.898	89.550.000	608.289.898	39.800.000
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần (ii)	130.481.484	-	-	-
	4.213.315.164.697	4.213.315.164.697	3.062.057.000.000	3.062.057.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (iii)				
	4.213.315.164.697	4.213.315.164.697	3.062.057.000.000	3.062.057.000.000

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất do cổ phiếu chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty cũng chưa thể thu thập được thông tin để xác định giá trị hợp lý.
- (iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất từ 5,1% đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 5,4% đến 6,5%/năm). Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 244.511.507.419 đồng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành Ngân hàng Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Unipac Asia Company Limited	415.808.751.303	-
Vitol Asia Pte Ltd	411.326.210.975	-
Nam Song Hau Trading Investing Petroleum J.S.C	386.652.306.188	-
Socar Trading Singapore Pte Ltd	340.237.794.706	417.785.893.394
Gunvor Singapore Pte Ltd	280.735.150.793	909.188.928.325
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.988.298.311	69.988.298.311
Cục Xăng dầu - Tổng Cục Hậu Cần	67.368.531.784	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư -TKV -XN Vật tư Hòn Gai	62.805.333.594	80.311.223.793
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	52.347.101.216	91.790.634.948
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	50.737.887.380	55.311.946.980
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	43.834.776.646	44.334.776.646
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	43.340.558.094	15.971.554.793
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	35.580.204.734	35.375.670.588
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	26.457.196.883	32.688.189.916
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	25.439.325.977	22.628.164.697
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Than Uông Bí	24.862.533.252	13.889.473.050
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	24.092.056.629	6.885.770.000
Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh TCT Đồng Bắc	21.267.853.240	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	20.010.740.366
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Thương mại Miền Trung	19.984.855.939	19.771.794.941
Tổng Công ty đường Sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Vinh	13.726.730.535	11.606.959.220
Công ty TNHH MTV Kinh doanh - Khai thác VLXD Sao Đỏ	11.997.239.740	12.997.681.762
Chi nhánh TCTY Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	10.199.200.233	20.252.379.049
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Nguyên	9.947.847.796	9.579.600.317
Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn	9.368.334.000	11.236.074.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.008.565.464	1.239.521.719
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC Marine)	4.187.594.160	27.413.205.200
Totsa Total Oil Trading SA	3.871.840.170	302.039.452.872
Phải thu khách hàng khác	1.460.439.525.055	1.670.349.400.832
	<b>4.404.382.989.440</b>	<b>4.354.405.979.997</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại XNK Tân Đình Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	3.906.103.191	3.906.103.191
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	2.607.355.480	2.607.355.480
Khách hàng khác	1.001.457.768	1.019.457.768
	<b>26.669.616.044</b>	<b>26.687.616.044</b>
<b>c. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 43)	249.324.829.352	284.106.582.121

(i) Đây là khoản phí ủy thác và tiền đầu thô phải thu từ Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

### 7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất khẩu ủy thác	2.977.031.277.355	4.618.520.367.145
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô nhập khẩu ủy thác	1.708.269.250.879	164.625.495.770
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	217.299.697.501	217.299.697.501
<i>Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)</i>	<i>170.283.513.359</i>	<i>170.283.513.359</i>
<i>Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	<i>47.016.184.142</i>	<i>47.016.184.142</i>
Thuế tạm nộp kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất	6.858.834.045	7.050.212.398
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	29.720.307.838	134.987.778.266
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	5.755.479.545	5.755.479.545
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	7.121.379	7.121.379
Phải thu khác ngắn hạn	180.175.921.924	262.041.274.971
	<b>5.125.117.890.466</b>	<b>5.410.287.426.975</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	32.415.555.599	36.011.730.443
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.171.055.360	5.175.905.360
Chi phí phân bổ tài sản dùng để hợp tác kinh doanh	572.324.465	587.876.765
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.413.570.270	4.419.423.764
Phải thu khác dài hạn	216.850.000	131.998.200
	<b>42.789.355.694</b>	<b>46.326.934.532</b>
<b>c. Phải thu khác các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 43)*	4.310.119.430.818	4.421.394.123.966

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

### 8. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2018		01/8/2018 (i)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.888.325.811	-	69.988.298.311	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	43.834.776.646	21.917.388.323	44.434.776.646	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí PVEP	20.865.647.243	-	24.542.695.858	7.362.808.757
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	20.604.952.041	-	25.604.952.041	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
CTY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY CÁI LÂN	19.576.761.700	-	19.576.761.700	(i)
Công ty TNHH SX & TM XNK Tân Đỉnh Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy	12.285.735.875	-	12.335.735.875	3.832.145.046
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	9.813.340.562	-	9.813.340.562	(i)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đối tượng	31/12/2018		01/8/2018 (i)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Công ty Cổ phần TMHD Nam Sông Hậu	8.850.308.852	-	8.850.308.852	(i)
Khách hàng nợ Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông	7.839.154.020	-	7.839.154.020	-
Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	3.906.103.191	-	3.906.103.191	-
Công ty Cổ phần Thương mại Phượng Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	2.607.355.480	-	-	-
Công ty cổ phần Trung Nam	2.516.000.000	-	2.516.000.000	-
Công ty TNHH TM&DV Hưng Nghiệp	2.255.318.300	836.000.000	2.255.318.300	836.000.000
Ông Đỗ Văn Trực	2.066.082.640	-	-	-
Tổng Công ty ĐTXD và Thương mại Anh Phát- Công ty	805.204.346	805.204.346	805.204.346	805.204.346
Cổ phần	131.026.707.527	14.142.525.188	165.750.888.913	28.797.934.947
Khách hàng khác				
	<b>905.221.839.937</b>	<b>46.716.117.857</b>	<b>941.999.604.318</b>	<b>47.949.093.096</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

- Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.
  - Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.
- (i) Thể hiện các khoản nợ xấu tại Công ty mẹ - Tổng Công ty. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 7 năm 2018 (ngày hoạt động cuối cùng dưới hình thức công ty TNHH một thành viên) đã được sử dụng để bù đắp tổn thất của các khoản phải thu theo quy định hiện hành và hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Do đó, tại ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty không xác định cũng như trình bày giá trị có thể thu hồi thực tế của các khoản nợ xấu.

### 9. HÀNG TỐN KHO

	31/12/2018		01/8/2018	
	VND Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	68.112.647.052	-	287.724.834.336	-
Nguyên liệu, vật liệu	300.601.521.192	(8.633.839.066)	378.951.421.304	-
Công cụ, dụng cụ	11.274.113.186	-	16.326.602.757	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	15.766.958	-
Thành phẩm tồn kho	302.054.566.234	(43.494.716.686)	143.240.752.553	-
Hàng hóa	1.019.333.308.920	(42.251.775.638)	1.785.050.603.243	-
Hàng gửi đi bán	22.509.769	-	23.224.008	-
<b>Cộng</b>	<b>1.701.398.666.353</b>	<b>(94.380.331.390)</b>	<b>2.611.333.205.159</b>	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	2.156.368.488	611.287.878
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.278.172.595	8.876.371.593
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	40.852.954.705	50.170.198.759
	<b>49.287.495.788</b>	<b>59.657.858.230</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	333.967.105.032	330.154.074.194
Giá trị lợi thế vị trí địa lý (i)	278.096.553.120	301.484.298.673
Lợi thế kinh doanh (ii)	162.326.325.783	169.384.023.595
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25.471.127.203	16.055.235.953
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng chờ phân bổ	25.421.466.730	25.827.693.115
Trả trước dài hạn khác	121.210.637.066	91.607.024.136
	<b>946.493.214.934</b>	<b>934.512.349.666</b>

- (i) Bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC"- một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 208.066.311.053 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 236.480.333.564 đồng).
- (ii) Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của Tổng Công ty tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

### 11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong kỳ tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/8/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	31/12/2018 VND
<b>Các khoản thuế phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	237.059.328	7.444.904.136	12.588.231.578	5.380.386.770
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.256.046.500	-	15.042.700.801	17.298.747.301
Thuế xuất, nhập khẩu	3.213.206.226	40.090.444	-	3.173.115.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.754.126.920	2.673.066.330	1.594.799.206	18.675.859.796
Thuế thu nhập cá nhân	112.906.947	-	135.827.205	248.734.152
Thuế nhà đất	35.804.726	896.762.108	928.959.097	68.001.715
Các loại thuế khác	-	33.139.995	6.521.294.851	6.488.154.856
	<b>25.609.150.647</b>	<b>11.087.963.013</b>	<b>36.811.812.738</b>	<b>51.333.000.372</b>
<b>Các khoản thuế phải trả</b>	<b>816.021.497.074</b>	<b>3.570.176.300.697</b>	<b>3.778.638.269.167</b>	<b>607.559.528.604</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	92.548.441.485	624.317.303.254	642.142.458.219	74.723.286.520
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	15.113.727.889	15.113.727.889	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.485.250.229	250.849.877.881	259.335.128.110	-
Thuế xuất, nhập khẩu	50.626.075	487.548.850.692	487.599.476.767	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.272.060.041	10.539.065.526	111.613.676.839	12.197.448.728
Thuế thu nhập cá nhân	2.061.251.651	9.210.795.547	5.214.250.258	6.057.796.940
Thuế tài nguyên	81.840.000	270.930.000	313.280.000	39.490.000
Thuế nhà đất	4.152.817.843	1.874.425.763	5.922.954.442	104.289.164
Các loại thuế khác	595.369.209.750	2.170.451.324.145	2.251.383.316.643	514.437.217.252
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>7.678.458.579</b>	<b>2.063.946.651</b>	<b>9.014.476.835</b>	<b>727.928.395</b>
Các khoản phí, lệ phí	7.678.458.579	2.063.946.651	9.014.476.835	727.928.395
<b>Tổng thuế và các khoản phải trả</b>	<b>823.699.955.653</b>	<b>3.572.240.247.348</b>	<b>3.787.652.746.002</b>	<b>608.287.456.999</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>4.218.229.274.146</b>	<b>1.324.135.399.670</b>	<b>510.799.313.599</b>	<b>83.891.158.588</b>	<b>36.559.206.611</b>	<b>6.173.614.352.614</b>
Mua sắm mới	19.583.156.079	11.829.675.792	2.818.392.910	4.773.524.725	119.874.341	39.124.623.847
XDCB bàn giao	57.335.618.666	31.791.661.568	2.753.076.175	-	-	91.880.356.409
Thanh lý, nhượng bán	(1.999.449.983)	(437.824.800)	(2.680.604.433)	-	-	(5.117.879.216)
Phân loại lại	127.518.680.628	(70.705.964.898)	(56.311.159.013)	(510.713.099)	9.156.382	-
Tăng, giảm khác	(1.622.788.611)	(5.257.076.895)	321.612.933	381.795.811	1.584.737.384	(4.591.719.378)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.419.044.490.925</b>	<b>1.291.355.870.437</b>	<b>457.700.632.171</b>	<b>88.535.766.025</b>	<b>38.272.974.718</b>	<b>6.294.909.734.276</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>2.009.488.210.360</b>	<b>900.349.810.748</b>	<b>305.664.281.928</b>	<b>68.985.806.300</b>	<b>22.623.193.940</b>	<b>3.307.111.303.276</b>
Khấu hao trong kỳ	101.593.156.486	35.011.323.819	13.312.208.263	2.173.288.903	83.066.044	152.173.043.515
Thanh lý, nhượng bán	(1.999.449.983)	(396.493.579)	(1.524.339.394)	-	-	(3.920.282.956)
Phân loại lại	92.835.788.561	(89.078.514.220)	(3.171.234.471)	(586.039.870)	-	-
Tăng, giảm khác	5.023.377.904	(6.894.633.289)	150.079.488	237.392.183	1.418.407.813	(65.375.901)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>2.206.941.083.328</b>	<b>838.991.493.479</b>	<b>314.430.995.814</b>	<b>70.810.447.516</b>	<b>24.124.667.797</b>	<b>3.455.298.687.934</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>2.212.103.407.597</b>	<b>452.364.376.958</b>	<b>143.269.636.357</b>	<b>17.725.318.509</b>	<b>14.148.306.921</b>	<b>2.839.611.046.342</b>
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>2.208.741.063.786</b>	<b>423.785.588.922</b>	<b>205.135.031.671</b>	<b>14.905.352.288</b>	<b>13.936.012.671</b>	<b>2.866.503.049.338</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 392.439.553.240 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 787.756.018.838 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 27, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 397.381.171.869 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 579.908.737.532 đồng).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/8/2018	683.259.091
Tại ngày 31/12/2018	683.259.091
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/8/2018	500.322.001
Khấu hao trong kỳ	56.938.260
Tại ngày 31/12/2018	557.260.261
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2018	125.998.830
Tại ngày 01/8/2018	182.937.090

## 15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/8/2018	1.769.060.735.376	58.848.608.406	832.473.033	1.828.741.816.815
Mua sắm mới	23.759.465.554	955.100.000	-	24.714.565.554
Tăng, giảm khác	(166.581.445)	-	541.262.718	374.681.273
Tại ngày 31/12/2018	1.792.653.619.485	59.803.708.406	1.373.735.751	1.853.831.063.642
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/8/2018	125.520.679.355	49.747.913.512	650.406.245	175.918.999.112
Khấu hao trong kỳ	11.127.085.106	661.634.816	102.363.676	11.891.083.598
Tăng, giảm khác	(2.903.427.163)	2.903.427.164	35.081.843	35.081.844
Tại ngày 31/12/2018	133.744.337.298	53.312.975.492	787.851.764	187.845.164.554
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2018	1.658.909.282.187	6.490.732.914	585.883.987	1.665.985.899.088
Tại ngày 01/8/2018	1.643.540.056.021	9.100.694.894	182.066.788	1.652.822.817.703

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 127.025.134.337 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 290.054.522.631 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi tiết giá trị các lô đất chưa được cấp/chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty), chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất phát sinh như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Lô đất	Địa chỉ	Chủ sở hữu	Nguyên giá tại ngày 31/12/2018	Ghi chú
1	CHXD Số 1	Tỉnh lộ 925, ấp Tân Thuận, Đông Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, Phường A, Châu Thành, Hậu Giang	Ông Nguyễn Văn Hùng	2.712.518.900	Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PV Oil Sài Gòn 2CHXD
2	CHXD Số 5	Ấp Tân Bình 1, xã Long Phú, huyện Chư được cấp quyền sử dụng đất Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Ông Nguyễn Văn Hùng	1.288.865.842	Chưa được cấp quyền sử dụng đất
3	CHXH Số 40	Ấp Nàng Rén, thị trấn Phú Lộc, Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, huyện Thạch Trị, tỉnh Sóc Trăng	Ông Nguyễn Văn Hùng	1.918.019.831	Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PV Oil Sài Gòn
4	CHXH Số 63	5/4, ấp 1B, Bến Lức, Long An	Ông Nguyễn Văn Hùng	1.255.644.859	Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PV Oil Sài Gòn
5	Lô đất Tân Nhật	Bình Chánh - TP. HCM	Ông Vương Gia Quý	18.879.570.000	Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PV Oil Sài Gòn, chưa sử dụng
6	Lô đất Cán Giờ	TP. HCM		14.950.957.950	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2017, chưa gia hạn quyền sử dụng đất
7	Lô đất Ba Láng	Cần Thơ		15.292.410.474	Quyền sử dụng đất hết hạn năm 2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất
8	Lô đất 1045	Hậu Giang	Bà Huỳnh Thanh Diệu	2.347.516.000	Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PV Oil Sài Gòn, chưa sử dụng
9	CHXD số 31			1.521.855.500	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất
				<b>60.167.359.356</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>134.101.593.499</b>	<b>1.000.391.463</b>	<b>862.095.889</b>	<b>135.964.080.851</b>
Tăng trong kỳ	3.316.029.861	-	-	3.316.029.861
Phân loại lại	1.091.231.463	(1.000.391.463)	(90.840.000)	-
Thanh lý, nhượng bán	(924.571.597)	-	-	(924.571.597)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>137.584.283.226</b>	<b>-</b>	<b>771.255.889</b>	<b>138.355.539.115</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/8/2018	17.456.832.748	29.220.866	775.544.619	18.261.598.233
Khấu hao trong kỳ	932.525.183	-	-	932.525.183
Phân loại lại	33.509.596	(29.220.866)	(4.288.730)	-
Thanh lý, nhượng bán	(924.571.597)	-	-	(924.571.597)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>17.498.295.930</b>	<b>-</b>	<b>771.255.889</b>	<b>18.269.551.819</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>120.085.987.296</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>120.085.987.296</b>
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>116.644.760.751</b>	<b>971.170.597</b>	<b>86.551.270</b>	<b>117.702.482.618</b>

Trong kỳ, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 18.833.902.259 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018: 15.239.855.412 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 4.623.776.992 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018: 11.302.507.040 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 823.093.389 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 1.747.664.986 đồng).

### 17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	52.922.524.088	46.818.604.407
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	12.599.996.220	12.599.556.079
Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate	7.258.066.196	7.258.066.196
Bãi đỗ, quay xe bồn phục vụ Nhập xuất kho Nghi Sơn	6.244.472.728	562.654.546
Lưu lượng kế tại kho Nhà Bè - Miền Đông	-	4.013.540.000
Cải tạo, lắp đặt Hệ thống pha chế E5, bồn E100 các kho xăng dầu	-	24.174.270.244
Công trình khác	17.497.241.259	18.754.477.582
	<b>152.686.471.812</b>	<b>170.345.340.375</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- (i) Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này và đang chờ quyết định của Tập đoàn về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ ("PV Oil - Phú Thọ" - một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này theo Công văn số 7150/DVN-ĐTTM ngày 24 tháng 12 năm 2012 và chưa thực hiện điều chỉnh giá trị của công trình này theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã được kiểm toán.

### 18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

#### a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2018 VND	31/7/2018 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	782.857.232.693	832.685.355.763
Giảm đầu tư trong kỳ	-	(14.984.577.527)
Phần lỗ phát sinh trong kỳ	(7.531.266.110)	(11.292.819.827)
Cổ tức được chia trong kỳ	(33.093.092.000)	(16.902.583.140)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong kỳ	(6.822.027.048)	(6.648.142.576)
	<b>735.410.847.535</b>	<b>782.857.232.693</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	31/7/2018 VND
Tổng tài sản	5.746.253.736.022	5.589.886.542.124
Tổng công nợ	3.954.547.525.768	3.720.658.657.736
Tài sản thuần	1.791.706.180.254	1.869.227.884.388
<b>Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết</b>	<b>735.410.847.535</b>	<b>782.857.232.693</b>

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/1/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Doanh thu	5.080.590.460.804	5.574.341.526.644
Lỗ thuần	(47.506.077.300)	(45.261.642.224)
<b>Phần (lỗ) thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết</b>	<b>(7.531.266.110)</b>	<b>(11.292.819.827)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### b. Góp vốn liên doanh

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh	34.237.590.080	38.329.293.505
Phần (lỗ)/lãi phát sinh trong kỳ	(167.281.872)	1.152.192.210
Cổ tức được chia trong kỳ	-	(5.299.860.000)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong kỳ	35.275.266	55.964.365
	<b>34.105.583.474</b>	<b>34.237.590.080</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Tổng tài sản	1.901.809.438.624	1.806.338.006.307
Tổng công nợ	2.321.267.845.414	2.125.214.956.634
Tài sản thuần	(419.458.406.790)	(318.876.950.327)
<b>Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh</b>	<b>34.105.583.474</b>	<b>34.237.590.080</b>

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Doanh thu	668.455.616.280	605.727.272.728
Lỗ thuần	(101.723.325.721)	(89.922.322.778)
<b>Phần (lỗ)/lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh</b>	<b>(167.281.872)</b>	<b>1.152.192.210</b>

### 19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	15.126.357.240	15.126.357.240
Công ty Cổ phần Phát triển Đồng Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	9.753.141.763	9.753.141.763
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.746.768.529	4.481.068.529
	<b>84.657.433.530</b>	<b>85.391.733.530</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(19.354.863.684)	(9.500.848.447)
	<b>65.302.569.846</b>	<b>75.890.885.083</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/8/2018	223.644.147.290
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>223.644.147.290</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/8/2018	161.356.175.890
Khấu hao trong kỳ	9.416.251.658
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>170.772.427.548</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>52.871.719.742</b>
<b>Tại ngày 01/8/2018</b>	<b>62.287.971.400</b>

### 21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/8/2018	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.038.590.788.501	1.038.590.788.501	1.851.329.654.354	1.851.329.654.354
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN	511.699.279.700	511.699.279.700	-	-
Brunei Shell Petroleum Company Sendirian Berhad	409.990.519.431	409.990.519.431	-	-
BP Singapore Pte Ltd	383.677.424.726	383.677.424.726	-	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	335.881.732.082	335.881.732.082	853.383.157.615	853.383.157.615
Bien Dong Poc Block 05-3	130.464.670.698	130.464.670.698	156.760.397.988	156.760.397.988
Bien Dong Poc Block 05-2	79.715.182.230	79.715.182.230	110.044.002.510	110.044.002.510
Gazprom EP International B.V	70.277.284.347	70.277.284.347	88.510.856.642	88.510.856.642
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	45.712.576.361	45.712.576.361	46.195.477.678	46.195.477.678
KC AND A CORPORATION	31.467.645.000	31.467.645.000	43.658.295.727	43.658.295.727
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCổ phần (PVGas)	21.892.319.931	21.892.319.931	27.380.977.497	27.380.977.497
Santos Petroleum Ventures B.V	-	-	156.927.093.314	156.927.093.314
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	-	-	138.464.301.708	138.464.301.708
Premier Oil (Vietnam) Limited (POV)	-	-	123.080.485.262	123.080.485.262
Phải trả người bán khác	488.616.601.106	488.616.601.106	415.090.360.407	415.090.360.407
	<b>3.547.986.024.113</b>	<b>3.547.986.024.113</b>	<b>4.010.825.060.703</b>	<b>4.010.825.060.703</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 43)	1.978.609.476.985	1.978.609.476.985	2.792.423.964.103	2.792.423.964.103

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Chi phí mua hàng trích trước	-	6.323.439.357
Chi phí đầu tư XDCB trích trước	6.975.921.842	15.439.204.028
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, chi phí kinh doanh	109.762.024	-
Chi phí lãi vay	10.891.195.008	3.832.074.928
Các khoản chi phí phải trả khác	18.781.041.385	39.129.125.475
	<b>36.757.920.259</b>	<b>64.723.843.788</b>
<b>b. Chi phí phải trả ngắn hạn là các bên liên quan</b>		
- (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 43)	8.525.917.410	12.316.106.808

## 23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất khẩu ủy thác	3.887.670.664.213	5.157.858.417.612
Thu hộ, trả hộ tiền đầu nhập khẩu ủy thác	1.566.149.207.186	106.261.293.724
Thuế xuất khẩu đầu thô thu hộ, trả hộ	1.065.007.086	68.181.667.970
Phải trả về cổ phần hóa (i)	622.531.331.881	622.531.331.881
Lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	540.301.917.104	540.301.917.104
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (ii)	6.508.956.732	16.683.112.647
Phải trả, phải nộp khác	72.450.011.001	131.387.821.266
	<b>6.696.677.095.203</b>	<b>6.643.205.562.204</b>
<b>b. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b>		
- (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 43)	2.652.898.155.843	2.756.288.801.452

- (i) Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 VND theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	01/8/2018		Phát sinh trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.064.424.172.139	3.064.424.172.139	6.619.060.668.826	7.209.042.701.882	2.474.442.139.083	2.474.442.139.083
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	75.817.461.436	75.817.461.436	45.631.356.467	34.841.926.431	86.606.891.472	86.606.891.472
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	27.630.280	27.630.280	116.799.600	48.666.500	95.763.380	95.763.380
	<b>3.140.269.263.855</b>	<b>3.140.269.263.855</b>	<b>6.664.808.824.893</b>	<b>7.243.933.294.813</b>	<b>2.561.144.793.935</b>	<b>2.561.144.793.935</b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam, KIP Lào hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ 2,3% đến 6,5%/năm (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018; từ 2,3% đến 6,5%/năm) đối với Đô la Mỹ và dao động từ 4,05% đến 9,5%/năm (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018; từ 4,5% đến 9,7%/năm) đối với Đồng Việt Nam và từ 8% đến 9%/năm đối với đồng KIP Lào. Các khoản vay có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 497.425.221.745 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018 là 463.182.034.811 đồng) được đảm bảo tương ứng bằng tài sản cố định, các khoản vay còn lại được tin chấp.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay bằng VND	2.280.764.471.227	2.889.487.730.443
Vay bằng LAK	100.572.345.547	159.049.577.696
Vay bằng USD	93.105.322.309	15.886.864.000
	<b>2.474.442.139.083</b>	<b>3.064.424.172.139</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay tín chấp	1.977.016.917.338	2.601.242.137.328
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	497.425.221.745	463.182.034.811
	<b>2.474.442.139.083</b>	<b>3.064.424.172.139</b>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất cố định. Các khoản vay ngắn hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay theo lãi suất cố định	2.474.442.139.083	3.064.424.172.139
	<b>2.474.442.139.083</b>	<b>3.064.424.172.139</b>

### 25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Quỹ dự phòng rủi ro và bồi thường thiệt hại môi trường (i)	20.629.850.510	16.645.336.292
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	5.591.800.000	-
	26.221.650.510	16.645.336.292

(i) Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2016/TT-BTC (“Thông tư 86”) hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đã áp dụng thông tư này và trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 20.629.850.510 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 26. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Số dư đầu kỳ	203.643.301.652	434.495.930.309
Tăng do hợp nhất Petec	-	-
Trích quỹ trong kỳ	271.298.208.600	383.099.256.000
Lãi phát sinh	299.682.932	1.206.682.225
Sử dụng quỹ trong kỳ	(437.601.389.574)	(615.158.566.882)
Điều chỉnh giảm quỹ trong năm	-	-
Quỹ nhận sát nhập (i)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.639.803.610</b>	<b>203.643.301.652</b>
Trong đó:		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	10.626	250.680.147.800
Số dư tài khoản quỹ bình ổn chưa được kết chuyển	37.639.792.984	(47.036.846.148)

Việc trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư quỹ bình ổn đã được kết chuyển sang tài khoản tiền gửi ngân hàng theo đúng hướng dẫn của Thông tư liên tịch (Thuyết minh số 4).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/8/2018		Phát sinh trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản vay dài hạn (i)	283.918.085.324	283.918.085.324	72.486.356.467	80.473.282.898	275.931.158.893	275.931.158.893
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	75.817.461.436	75.817.461.436	45.631.356.467	34.841.926.431	86.606.891.472	86.606.891.472
Số phải trả sau 12 tháng	208.100.623.888	208.100.623.888	26.855.000.000	45.631.356.467	189.324.267.421	189.324.267.421
b. Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	165.468.101	165.468.101	116.799.600	165.466.100	116.801.601	116.801.601
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	27.630.280	27.630.280	116.799.600	48.666.500	95.763.380	95.763.380
Số phải trả sau 12 tháng	137.837.821	137.837.821	-	116.799.600	21.038.221	21.038.221
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>208.238.461.709</b>	<b>208.238.461.709</b>			<b>189.345.305.642</b>	<b>189.345.305.642</b>
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)</b>	<b>75.845.091.716</b>	<b>75.845.091.716</b>			<b>86.702.654.852</b>	<b>86.702.654.852</b>
	<b>284.083.553.425</b>	<b>284.083.553.425</b>	<b>72.603.156.067</b>	<b>80.638.748.998</b>	<b>276.047.960.494</b>	<b>276.047.960.494</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

(i) Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty thể hiện tổng số tiền vay với hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng thương mại là 604.064.098.225 đồng (tại ngày 31 tháng 7 năm 2018: 604.064.098.225 đồng). Các khoản vay này được bảo đảm bằng công trình Cảng Cù Lao Tào, Khu bốn chứa xăng dầu Phú Thọ, Dự án mở rộng Kho cảng xăng dầu Chân Mây và toàn bộ tài sản thuộc Dự án "Xây dựng kho bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi - Giai đoạn 1 và toàn bộ tài sản thuộc Dự án "Kho xăng dầu Nghi Sơn" và chịu lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng cộng lãi suất biên từ 1,5%/năm đến 3%/năm. Các khoản vay này dùng để tài trợ cho các Dự án xây dựng và mở rộng Kho Cù Lao Tào, Dự án xây dựng và mở rộng Cảng Cù Lao Tào, Dự án xây dựng Kho Quỳnh Ngãi, Chân Mây, Nâng cấp Công nghệ thông tin, Phú Thọ và Dự án Kho xăng dầu Nghi Sơn. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con chịu lãi suất từ 7,5% đến 10,2%/năm (từ ngày 01 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018: từ 7,5% đến 10,2%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng: (i) tài sản hình thành từ dự án tổng kho Vũng Áng và các tài sản cố định khác; (ii) tài sản hình thành từ dự án Kho trung chuyển tại Nam Định; (iii) tài sản của cửa hàng xăng dầu Thanh Quang; (iv) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Bình Thuận, (v) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất và (vi) các tài sản cố định khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(ii) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010220412002 ngày 03 tháng 12 năm 2014 tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Thời hạn thanh toán là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 10% được áp dụng từ ngày nhận nợ đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2015, lãi suất cho thuê được điều chỉnh theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng phí cố định 4,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay và nợ thuê tài chính bằng VND	276.047.960.494	284.083.553.425

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay tín chấp	116.801.600	165.468.101
Vay và nợ thuê tài chính có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	275.931.158.894	283.918.085.324
	<b>276.047.960.494</b>	<b>284.083.553.425</b>

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất thả nổi	276.047.960.494	284.083.553.426

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Trong vòng một năm	86.606.891.472	75.817.461.436
Trong năm thứ hai	68.590.214.997	77.772.477.872
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	79.507.876.818	87.983.082.065
Sau năm năm	41.226.175.606	42.345.063.951
	<b>275.931.158.893</b>	<b>283.918.085.324</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay dài hạn đến hạn trả- Thuyết minh số 24)	86.606.891.472	75.817.461.436
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>189.324.267.421</b>	<b>208.100.623.888</b>

Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Trong vòng một năm	95.763.380	27.630.280
Trong năm thứ hai	21.038.221	95.763.380
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	42.074.441
	<b>116.801.601</b>	<b>165.468.101</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Nợ thuế tài chính đến hạn trả - Thuyết minh số 24)	95.763.380	27.630.280
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>21.038.221</b>	<b>137.837.821</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 28. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán và thu nhập/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	103.802.913.911	50.073.274.108
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>103.802.913.911</b>	<b>50.073.274.108</b>
<b>Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ</b>	<b>53.729.639.803</b>	<b>(30.087.062.845)</b>



# THUYẾT MINH

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗi lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Cho kỳ hoạt động 7 tháng kết thúc ngày 31 tháng 7 năm 2018</b>										
<b>Tại ngày 01 tháng 1 năm 2018</b>	<b>10.884.251.000.000</b>	<b>889.777.193.444</b>	<b>296.625.297.432</b>	<b>(4.622.526.286)</b>	<b>7.638.598.151</b>	<b>(1.930.995.814.085)</b>	<b>5.959.092.576</b>	<b>11.096.803.188</b>	<b>1.096.086.881.085</b>	<b>11.255.816.525.505</b>
Thay đổi do hợp nhất thêm công ty con	-	-	39.013.207	92.585	-	366.836.229	-	-	57.415.720.466	57.821.662.487
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	381.953.154.073	-	-	-	381.953.154.073
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	17.840.641.902	-	-	(47.040.205.535)	-	-	(10.652.327.935)	(39.851.891.568)
Điều chỉnh do cổ phần hóa	(541.956.000.000)	(1.056.794.544.058)	(123.287.992.719)	-	3.000.284.393	678.668.915.472	-	-	-	(1.040.369.336.912)
Phân loại lại giữa các quỹ	-	-	4.699.187.424	-	-	-	-	(3.508.824.510)	(1.190.362.914)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(34.199.478.513)	-	-	34.199.478.513	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(7.907.424.459)	-	(698.754.441)	17.369.389.480	-	-	-	8.763.210.580
Điều chỉnh theo kết luận thanh tra của KTNN	-	-	-	-	-	5.330.798.840	-	-	-	5.330.798.840
Điều chỉnh khấu hao Phú Mỹ	-	-	-	-	-	49.267.206.661	-	-	33.465.298.228	82.732.504.889
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	1.978.226.650	-	-	-	698.754.441	2.676.981.091
Điều chỉnh các khoản thuế tại Lào	-	-	-	-	-	(43.449.531.022)	-	-	-	(43.449.531.022)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(37.096.412.786)	(37.096.412.786)
Khác	-	-	620.470.764	(121.284)	-	9.337.094.608	-	-	3.955.517.743	13.912.961.831
<b>Tại ngày 31 tháng 7 năm 2018</b>	<b>10.342.295.000.000</b>	<b>(167.017.350.614)</b>	<b>188.629.193.551</b>	<b>(4.622.554.985)</b>	<b>11.918.354.753</b>	<b>(913.391.633.792)</b>	<b>5.959.092.576</b>	<b>7.587.978.678</b>	<b>1.176.882.546.841</b>	<b>10.648.240.627.008</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 5 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>										
<b>Tại ngày 01 tháng 8 năm 2018</b>	<b>10.342.295.000.000</b>	<b>(167.017.350.614)</b>	<b>188.629.193.551</b>	<b>(4.622.554.985)</b>	<b>11.918.354.753</b>	<b>(913.391.633.792)</b>	<b>5.959.092.576</b>	<b>7.587.978.678</b>	<b>1.176.882.546.841</b>	<b>10.648.240.627.008</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	17.478.430.229	-	-	-	17.478.430.229
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	4.579.225.922	-	-	(7.804.678.397)	-	-	(868.165.595)	(4.093.618.070)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	16.196.734.372	-	-	(16.196.734.372)	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(1.396.780.103)	-	353.636.647	2.264.945.698	-	-	-	1.221.802.242
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(1.422.065.942)	-	-	-	(353.636.647)	(1.775.702.589)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.481.457)	(26.481.457)
Khác	-	-	(1.112.341.971)	121.284	(863.425.803)	3.588.353.132	-	-	(6.707.628.500)	(5.094.921.858)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>10.342.295.000.000</b>	<b>(167.017.350.614)</b>	<b>190.699.297.399</b>	<b>(4.622.433.701)</b>	<b>9.986.499.655</b>	<b>(881.667.848.758)</b>	<b>5.959.092.576</b>	<b>7.587.978.678</b>	<b>1.152.729.900.270</b>	<b>10.655.950.135.505</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

### Cổ phiếu

	31/12/2018	01/8/2018
<b>Số lượng cổ phiếu đã ban hành ra công chúng</b>	<b>200.445.036</b>	<b>200.445.036</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	200.445.036	200.445.036
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.034.229.500</b>	<b>1.034.229.500</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	1.034.229.500	1.034.229.500
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã nộp Đơn đăng ký số 3788/DVN-KH đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đăng ký giao dịch bổ sung 980.900 cổ phiếu bán cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa, ngày giao dịch chính thức là ngày 02 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian từ 03 đến 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

### 30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.121.838.561.740	1.121.838.561.740
Thặng dư vốn cổ phần	14.241.580.248	14.241.701.532
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.241.683.913	4.888.047.264
Quỹ đầu tư phát triển	115.570.404.562	113.150.373.397
Lỗ lũy kế	(105.617.810.934)	(78.691.617.835)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.455.480.741	1.455.480.743
	<b>1.152.729.900.270</b>	<b>1.176.882.546.841</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	31/12/2018	01/8/2018
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Xăng Ron 95	Lít	8.619.875	57.674.847
- Xăng Ron 92	Lít	8.316.827	68.315.749
- Xăng E5	Lít	139.535	1.295.620
- Dầu DO 0,05%	Lít	86.621.801	90.552.434
- Dầu FO 3,0%S	Kg	1.432.277	2.766.864
- Jet A1	kg	14.395.591	1.196.095
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	15.233.934	23.429.051
- Đồng Euro (EUR)	EUR	322	322
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	353	353
- KIP Lào (KIP)	KIP	16.900.867.708	13.361.270.447

### 32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Nội địa	17.747.895.844.876	25.606.599.814.203
Quốc tế	5.871.503.613.453	11.945.242.481.999
	<b>23.619.399.458.329</b>	<b>37.551.842.296.202</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Nội địa	4.383.147.493.918	4.389.092.601.467	154.325.833.089	330.837.597.570
Quốc tế	122.449.451.512	130.233.265.574	1.984.419.090	3.542.039.455
	<b>4.505.596.945.430</b>	<b>4.519.325.867.041</b>	<b>156.310.252.179</b>	<b>334.379.637.025</b>

### 33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>23.630.508.162.597</b>	<b>37.558.366.670.811</b>
- Doanh thu bán hàng	23.435.216.449.594	37.316.379.112.952
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	140.454.799.147	158.004.718.553
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	54.836.913.856	83.982.839.306
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(11.108.704.268)</b>	<b>(6.524.374.609)</b>
- Chiết khấu thương mại	(11.108.704.268)	(6.524.374.609)
	<b>23.619.399.458.329</b>	<b>37.551.842.296.202</b>
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 43)	908.206.311.783	1.312.667.757.943

### 34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Giá vốn hàng bán	22.488.146.075.624	35.807.790.372.248
Giá vốn dịch vụ cung cấp	67.450.188.513	100.379.471.414
	<b>22.555.596.264.137</b>	<b>35.908.169.843.662</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.182.508.263.853	4.001.776.541.466
Chi phí nhân công	384.291.438.085	530.179.482.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	165.053.590.556	199.718.554.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.344.143.066	337.834.229.129
Chi phí khác bằng tiền	241.060.011.154	371.039.382.810
	<b>4.232.257.446.714</b>	<b>5.440.548.190.370</b>

### 36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	120.757.441.174	146.727.900.299
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.348.206.364	4.975.255.253
Cổ tức được chia	358.525.600	2.478.058.000
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.096.078.612
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.838.103.201	362.457.161
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.596.722.254	8.639.472.779
	<b>132.898.998.593</b>	<b>164.279.222.104</b>

### 37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Chi phí lãi vay	64.813.309.421	75.712.575.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.338.599.057	28.745.684.359
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	12.801.622.308	(7.694.715.531)
Chi phí tài chính khác	2.049.967.408	1.842.165.840
	<b>88.003.498.194</b>	<b>98.605.710.608</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	253.996.614.848	341.275.207.980
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	38.911.443.667	50.492.085.133
Chi phí vận chuyển	47.880.524.927	64.433.047.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.686.494.443	202.145.148.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.666.192.482	118.608.293.712
Các khoản dự phòng	3.470.297.809	(24.500.021.051)
Các khoản chi phí bán hàng khác	65.553.235.347	145.769.461.017
	<b>668.164.803.523</b>	<b>898.223.223.064</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	134.739.993.321	165.603.221.239
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	18.737.220.589	14.229.034.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.228.368.504	28.090.926.514
Các khoản dự phòng	80.000.800.576	(45.235.000.257)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.490.169.043	70.286.220.915
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	71.007.030.722	103.532.873.490
	<b>374.203.582.755</b>	<b>336.507.276.864</b>

### 39. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.999.821.730	-
Tiền bồi thường nhận được	1.588.701.599	9.836.358.304
Thu từ vi phạm hợp đồng	-	2.093.827.539
Thu từ thuế được hoàn	-	60.657.286.934
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	1.739.501.263	5.111.939.707
Các khoản thu nhập khác	17.225.517.140	11.885.111.476
<b>Thu nhập khác</b>	<b>27.553.541.732</b>	<b>89.584.523.960</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	2.909.878.500
Các khoản tiền phạt	757.535.965	40.616.639.751
Các khoản chi phí khác	2.161.108.274	5.001.381.019
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.918.644.239</b>	<b>48.527.899.270</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>24.634.897.493</b>	<b>41.056.624.690</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	12.058.587.792	153.648.448.679
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	16.921.274
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12.058.587.792</b>	<b>153.665.369.953</b>

### 41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
Lợi nhuận từ thời điểm cổ phần hóa đến ngày kết thúc kỳ hoạt động phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	33.675.164.601
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>33.675.164.601</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	1.034.229.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>33</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính cho giai đoạn từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

### 42. CAM KẾT VỐN

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được phê duyệt ngày 15 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2019 với số tiền là 155,5 tỷ đồng.

### 43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Cùng Tập đoàn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan:</b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (Comeco)	545.889.203.588	749.006.290.911
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	56.850.528.198	53.986.121.339
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	133.607.385.009	148.580.898.201
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	21.205.565.064	107.554.240.241
Công ty Liên doanh Vietsovpetro	35.850.296.054	62.475.500.973
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas_S)	33.366.545.454	39.763.959.086
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	13.497.775.070	38.001.648.863
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	35.726.339.555	36.537.965.803
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	17.809.921.555	22.757.439.912
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas_Shipping)	-	11.768.788.538
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	4.080.000	10.408.398.113
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	17.017.196	6.713.625.246
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	4.527.250.373
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	2.159.432.059	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	2.055.091.200	2.865.720.569
Công ty Liên doanh điều hành Cừ Long	-	1.944.442.592
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	3.078.091.012	2.088.269.752
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	1.979.643.815	2.059.108.091
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	501.308.791	203.014.509
Các đối tượng khác	4.608.088.163	11.425.074.831
	<b>908.206.311.783</b>	<b>1.312.667.757.943</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
<b>Mua hàng từ các bên liên quan:</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	6.325.227.870.322	11.193.403.611.863
Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.399.973.562.336	-
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	3.072.269.788	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	101.794.680.929	263.676.821.086
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	38.743.726.598	183.670.908.631
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	153.340.570.223	168.249.841.300
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	13.229.403.105	24.925.441.373
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	5.099.384.502	8.175.214.907
Các đối tượng khác	1.039.351.656	2.048.424.453
	<b>9.041.520.819.459</b>	<b>11.844.150.263.613</b>

*Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị (kỳ trước là Hội đồng Thành viên) bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên (bao gồm Tổng Giám đốc)	2.596.855.556	1.494.442.181
Tiền lương của Ban Kiểm soát	1.063.427.778	1.132.048.580
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.734.606.944	2.581.622.982

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	50.737.887.380	55.311.946.980
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	43.834.776.646	44.334.776.646
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	35.580.204.734	35.375.670.588
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	26.457.196.883	32.688.189.916
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC Marine)	4.187.594.160	27.413.205.500
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	1.957.515.750	23.123.950.920
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	43.340.558.094	15.971.554.793
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	6.385.943.383	6.244.502.110
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	1.021.175.738	3.514.367.438
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3.343.206.255	3.420.496.085
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (PVTrans_Oil)	238.151.954	3.304.168.710
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	2.472.859.100	2.564.485.489
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.160.324.960	2.160.324.960
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.042.951.070	1.484.642.210
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	1.362.230.984	1.362.230.984
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	6.008.565.464	1.239.521.719
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế (Gas_Shipping)	2.556.556.320	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.813.016.813	15.073.842.790
Các đơn vị khác	3.824.113.664	9.518.704.283
	<b>249.324.829.352</b>	<b>284.106.582.121</b>
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	3.977.458.912.957	3.996.352.633.575
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	217.299.697.501	217.299.697.501
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	41.852.158.789	40.966.656.891
Các đối tượng khác	73.508.661.571	166.775.135.999
	<b>4.310.119.430.818</b>	<b>4.421.394.123.966</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	31/12/2018 VND	01/8/2018 VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.038.590.788.501	1.851.329.654.354
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN	511.699.279.700	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	335.881.732.082	853.383.157.615
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	54.349.197.010	46.195.477.678
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	21.892.319.931	27.380.977.497
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	6.050.948.957	300.202.073
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5.414.895.656	5.414.895.656
Ban Quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Các đối tượng khác	2.776.077.825	6.465.361.907
	<b>1.978.609.476.985</b>	<b>2.792.423.964.103</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	1.847.147.395.900	2.140.446.995.212
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	617.167.956.532	615.772.046.189
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	176.944.763.756	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	11.638.039.655	69.760.051
	<b>2.652.898.155.843</b>	<b>2.756.288.801.452</b>
<b>Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</b>		
Vay dài hạn	18.926.880.562	18.926.880.562
	<b>18.926.880.562</b>	<b>18.926.880.562</b>
<b>Chi phí phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	608.245.559	3.584.062.063
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	6.975.921.842	6.975.921.842
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	-	943.177.435
Các đối tượng khác	941.750.009	812.945.468
	<b>8.525.917.410</b>	<b>12.316.106.808</b>





**Phùng Tố Vân**  
 Người lập biểu

**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng

**Cao Hoài Dương**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019



# PVOIL

Đường xa thêm gần

## TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14-18 Tòa nhà PetroVietnam | Số 1-5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

ĐT : (84 - 28) 39106990

Fax : (84 - 28) 39106980

[www.pvoil.com.vn](http://www.pvoil.com.vn)